

Hải Phòng, ngày 17 tháng 04 năm 2026  
Hai Phong City, April 17th, 2026

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hà Nội

**To:** - *State Securities Commission of Vietnam*  
- *Hanoi Stock Exchange*

- Công ty/Company: Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Amecc/ *Amecc Mechanical Construction JSC*
- Mã chứng khoán /Stock Code: AMS
- Địa chỉ trụ sở Công ty /Head Office Address: Km 35, quốc lộ 10, Xã An Quang, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam / *Km 35 of National Highway 10, An Quang Commune, Hai Phong City*
- Điện thoại/ Telephone: 02253 922 786
- Fax: 02253 922 783
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Person in Charge of Information Disclosure*: **Đặng Thị Thu Thủy**

Loại thông tin công bố : ☐ Định kỳ ☒ Bất thường 24h ☐ Theo yêu cầu  
*Type of Information Disclosure : ☒ Periodic Disclosure ☐ Extraordinary Disclosure (Within 24 Hours) ☐ Upon Request*

**Nội dung thông tin công bố / *Disclosed Information Content*:**

Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2025  
*Amecc Mechanical Construction Joint Stock Company announces the following information: The 2025 Annual Report*

Thông tin đã được công bố ngày 17/04/2026 trên website, tại địa chỉ <https://amecc.com.vn>  
*The information was disclosed April 17th, 2026, on the company's website at <https://amecc.com.vn>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the disclosed information is accurate and take full legal responsibility for the content provided.*

Trân trọng!  
*Sincerely!*

**\* Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/ *As above*;
- Lưu VT/ *Filed for record*.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

*PERSON IN CHARGE OF INFORMATION DISCLOSURE*



**ĐẶNG THỊ THU THỦY**



SỐ: 01/2026/BCTN-AMECC  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025**



# PHẦN MỞ ĐẦU

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý vị cổ đông, Đối tác, Khách hàng và toàn thể Người lao động Công ty AMECC thân mến,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động và cạnh tranh gia tăng, song cũng mở ra những cơ hội để doanh nghiệp chủ động thích ứng và củng cố nội lực. Với tinh thần tâm huyết tích cực, nghị lực vượt qua mọi thử thách và định hướng cải tiến liên tục, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC đã linh hoạt trong điều hành, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và từng bước nâng cao giá trị doanh nghiệp. Trong suốt năm qua, Công ty luôn triển khai sản phẩm theo định hướng “An x Chất x Nhuận x Tốc x Hợp” (an toàn đảm bảo, chất lượng tốt, hiệu quả cao, đúng tiến độ, hợp lực tốt), đồng thời chú trọng hoàn thiện hệ thống quản trị, tối ưu hiệu quả hoạt động và phát triển nguồn nhân lực. Những nỗ lực này đã góp phần củng cố nền tảng vững chắc, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Bước sang năm 2026, Công ty định hướng tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, linh hoạt trong điều hành, đồng thời tập trung nâng cao năng lực quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ đẩy mạnh mở rộng thị trường theo hướng chọn lọc, ưu tiên các dự án có chất lượng và hiệu quả cao, phù hợp với năng lực cốt lõi và định hướng phát triển dài hạn. Song song, việc thúc đẩy ứng dụng công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất và tối ưu hóa hoạt động sẽ tiếp tục được chú trọng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Đồng thời, công ty xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước là những nền tảng then chốt, góp phần nâng cao vị thế và năng lực của Công ty trong giai đoạn mới.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự đồng hành bền chặt và tin cậy của Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác, cùng tinh thần đoàn kết, bản lĩnh và khát vọng không ngừng vươn lên của toàn thể cán bộ nhân viên, AMECC sẽ tiếp tục chủ động nắm bắt hiệu quả các cơ hội trong năm 2026, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng hoạt động. Trên nền tảng đó, Công ty sẽ tiếp tục kiến tạo những giá trị bền vững, củng cố vị thế trên thị trường và từng bước hiện thực hóa các mục tiêu phát triển dài hạn, hướng tới tăng trưởng ổn định và bền vững trong những năm tiếp theo.

Một lần nữa, xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý vị đã luôn tin tưởng và ủng hộ AMECC. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự đồng hành của Quý vị trong hành trình vươn xa, vươn tầm.

**Xin chân thành cảm ơn!**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

*Nguyễn Văn Nghĩa*

**NGUYỄN VĂN NGHĨA**

M.S.D.N: 0107898989  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
CƠ KHÍ XÂY DỰNG  
AMECC  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



# TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## TẦM NHÌN

Trên nền tảng Tâm Thế Tốt, AMECC trở thành Công ty MBV Chủ lực có năng lực Nghiên cứu Phát triển, Năng lực Sản xuất, Năng lực Kinh doanh hiệu quả trong lĩnh vực Cơ khí Chế tạo và Xây dựng Công nghiệp nặng, có trách nhiệm thiết thực vào sự phát triển vững chắc của đất nước và nhân loại.

## SỨ MỆNH

AMECC trở thành Chủ đầu tư/ Tổng thầu/ Nhà thầu các công trình xây dựng công nghiệp và gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí công nghiệp nặng.

1. **Đối với các Nhà quản trị:** Kiến tạo Tâm Thế Tốt, Nâng cao năng lực tổng thể và giá trị gia tăng chính cho bản thân.
2. **Đối với gia đình các Nhà quản trị:** Mang lại giá trị cuộc sống tốt đẹp.
3. **Đối với Công ty:** Trở thành Công ty MBV (Tâm Thế tốt, Năng Lực tổng thể tốt) chủ lực trong lĩnh vực Cơ khí chế tạo và xây dựng công nghiệp nặng.
4. **Đối với Khách hàng:** Chinh phục khách hàng bằng Tâm Thế Tốt, mang lại sự hài lòng và giá trị gia tăng cho khách hàng.
5. **Đối với Xã hội:** Có trách nhiệm thiết thực vào sự phát triển vững chắc của đất nước và nhân loại

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

**Tâm Thế Tốt:**  
**Tư Duy Tinh Gọn Made in Vietnam**  
**Nghị lực vượt khó**  
**Cải thiện không ngừng**  
**Phát triển vững chắc**





# NỘI DUNG BÁO CÁO

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1.THÔNG TIN CHUNG, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

#### THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
Tên viết tắt	AMECC JSC.
Tên tiếng anh	AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
GCN đăng Ký DN số	0200786983
Vốn điều lệ	600.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Km35, Quốc lộ 10, xã An Quang, Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại	0225.3922786
Số fax	0225.3922783
Website	www.amecc.com.vn
Mã cổ phiếu	AMS
Logo	<div></div> <div></div>
Slogan tiếng Việt Slogan tiếng Anh	Cùng xây ngày mai Together build tomorrow

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Ngày 01/02/2008: Công ty chính thức được thành lập với tên giao dịch: Công ty cổ phần LISEMCO 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200786983, do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/02/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000216, do Ủy ban Nhân dân Hải Phòng cấp ngày 26 tháng 09 năm 2008. Công ty thực hiện việc đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy chế tạo thiết bị đồng bộ LISEMCO và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngày 25/04/2016: Công ty Cổ phần LISEMCO 2 được đổi tên thành Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC (AMECC JSC). AMECC JSC hiện có 3 Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép với tổng diện tích hơn 161.000m2 và năng lực gia công chế tạo khoảng 30.000 tấn/năm.

Năm 2014, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC liên kết với các nhà đầu tư thành lập Công ty cổ phần mạ kẽm AMECC, nay đã được đổi tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN AMECC GT. Công ty chuyên cung cấp dịch vụ mạ kẽm nhúng nóng, gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn và sản xuất Grating hàng đầu khu vực phía Bắc với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cho ra những sản phẩm mà có độ bền cao, với chiều dày lớp mạ lên đến 150µm.

Năm 2016, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC góp vốn thành lập CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC WEI SHENG, nay đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương Mại AMECC, chuyên cung cấp các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...) với giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Năm 2017, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC thành lập Công ty TNHH AMECC Myanmar (AMECC Myanmar Co.,Ltd) có trụ sở chính tại Thành phố Yangon chuyên cung cấp dịch vụ gia công cơ khí chế tạo.

Năm 2018, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC là cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật AMECC Miền Nam thực hiện chiến lược mở rộng thị trường phía Nam với ngành nghề kinh doanh chính gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, thực hiện các dự án EPC tại khu vực Miền Nam.

Tháng 12/2022, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC góp vốn thành lập Công ty cổ phần Trung tâm Module toàn cầu (GMC) có trụ sở chính tại Khu Kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng, ngành nghề kinh doanh chính như: sản xuất kết cấu thép, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; thực hiện các công tác lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ thi công xây dựng công trình công nghiệp; cho thuê văn phòng nhà xưởng, kho bãi và lưu trữ hàng hoá.

Hiện nay, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC với hơn 18 năm kinh nghiệm và phát triển, cam kết đồng hành cùng cả nước phát triển ngành công nghiệp chế tạo, xây lắp, xây dựng mục tiêu trở thành nhà thầu chính cho các dự án lớn trong và ngoài nước, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp như: gia công chế tạo cơ khí, xây dựng công trình năng lượng nhiệt điện, lọc hoá dầu, điện mặt trời, xi măng, cầu đường, công nghệ môi trường,...





2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
1	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2	Xây dựng nhà để ở	4101
3	Xây dựng nhà không để ở	4102
4	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
5	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	4299
7	Xây dựng công trình đường sắt	4211
8	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4222
10	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4293
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, thiết kế nhiệt cho các dự án công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thông gió, điều hoà không khí, cấp nhiệt cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình	7110
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, gang	4662
13	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
	Chi tiết: Đào tạo cơ khí; Đào tạo đóng mới và sửa chữa tàu	
14	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế các công trình nổi	7410
15	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn	3290
16	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy nâng chuyển	2816
17	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
18	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo các hình thức được quy định tại điểm b, d, h khoản 1 và điểm b khoản 2 điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810
19	Sản xuất nổi hơi (trừ nổi hơi trung tâm)	2513
20	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt; Sản xuất dây cáp kim loại; Sản xuất đinh, ghim, đinh tán, đinh vít, xích; Sản xuất chân vịt tàu và cánh, mỏ neo, chuông, đường ray tàu hoả, móc gài, khoá bản lề; Sản xuất đường ống chịu áp lực	2599
21	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22	Phá dỡ	4311
23	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25	Vận tải đường ống	4940
26	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
27	Cho thuê xe có động cơ	7710
28	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
29	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
30	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592 (Chính)
31	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi	4329
32	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng	4390
33	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
34	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
36	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
37	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy	4659
38	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
39	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
40	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
42	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
43	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
44	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
45	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
46	Sản xuất điện	3511
47	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

CỤ THỂ CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ KINH DOANH CHÍNH

Tư vấn-thiết kế

Các công trình công nghiệp, dân dụng, kết cấu thép, nhà tiền chế, hệ thống ống cao áp và hạ áp, giá đỡ ống, bồn bể, cầu trục, thiết bị nâng, và các thiết bị phi tiêu chuẩn khác...  
Các phần mềm áp dụng trong thiết kế: SAP2000/Solidwork, Autocad, Tekla, Advance steel, Spoolgent/PDMS, CP Manager, Autonet, Pronest / SigmaNest, Tank, PVElite ...

Gia công chế tạo cơ khí

Kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn, lò thu hồi nhiệt HRSG, Fired-Heater, Srubber, cột thép, ống công nghệ áp lực, các loại bồn bể áp lực, cầu trục, thiết bị nâng, cầu hành khách sân bay, hệ thống băng tải, kết cấu cầu, tổ hợp module công nghệ, ...

Cung cấp

Các sản phẩm mạ kẽm, grating, kẽm phi hợp kim, vật liệu bọc lót chống mài mòn.  
Các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...)

Dịch vụ vận chuyển

Với đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong việc vận chuyển đường dài, được trang bị các loại xe trọng tải lớn, hiện đại, có khả năng đáp ứng nhanh, kịp thời, vận chuyển hàng hóa an toàn, theo nhu cầu của khách hàng.

Xây lắp

Xây dựng và lắp đặt các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, xi măng, phân đạm, lọc dầu, hóa chất, nhà máy sản xuất thép, nhà máy xử lý nước, công trình thủy lợi, công trình hàng hải, các công trình dân dụng, ...

Sửa chữa, bảo dưỡng

Bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện, xi măng, lọc dầu, hóa chất và các công trình công nghiệp và dân dụng khác.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Trụ sở chính:

- Trụ sở văn phòng Công ty và địa điểm sản xuất tại địa chỉ: Km 35, Quốc lộ 10, xã An Quang, Thành phố Hải Phòng
- Tổng diện tích mặt bằng: **161.337 m2**
  - Diện tích nhà xưởng sản xuất: **61.990 m2**
  - Diện tích nhà Văn phòng (làm việc): **8.344 m2**
  - Diện tích kho tàng: **2.603 m2**
  - Diện tích các công trình phụ trợ: **97.985 m2**





#### -Chi nhánh:

**Các Chi nhánh độc lập được đặt tại địa chỉ: Km 35, Quốc lộ 10, xã An Quang, Thành phố Hải Phòng**

- Chi Nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Nhà Máy Chế Tạo KCT Và Thiết bị AMECC Số 1
- Chi Nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Nhà Máy Chế Tạo KCT Và Thiết bị AMECC Số 2
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh AMECC1
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh Xây dựng dân dụng & Công nghiệp AMECC
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh AMECC Module
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh Sơn Và Chống Ăn Mòn AMECC
- Công Ty CP CKXD AMECC - Trung tâm Tư vấn Thiết kế AMECC
- Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Trung tâm Pha cắt
- Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Gia công Cơ khí Chính xác
- Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Công nghệ Hàn

Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Thi công Cách nhiệt & Chịu nhiệt AMECC

#### Văn phòng đại diện:

- VPĐD TP HCM - CÔNG TY CP CKXD AMECC: 127B Đinh Tiên Hoàng, P3, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
- VPĐD - CÔNG TY CP CKXD AMECC (tại Hà Nội): Số 60, phố Bùi Huy Bích, Phường Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, HN, VN

### 3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

#### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

##### - Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

##### - Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có không ít hơn 03 (ba) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

#### -Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp;

Ban kiểm soát có từ ba (3) đến năm (5) thành viên do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### -Tổng Giám Đốc

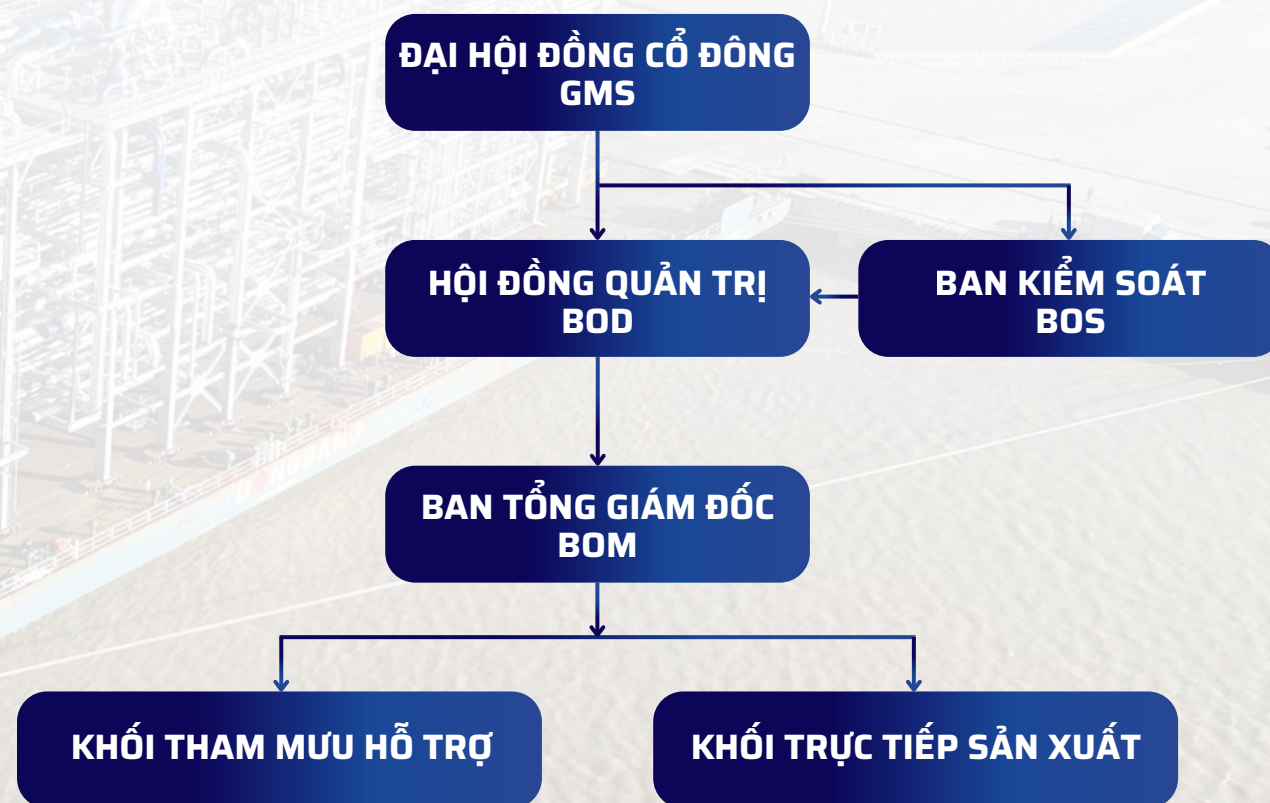
Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 64 của Luật Doanh nghiệp.

#### CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

**Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các văn bản quy định khác có liên quan và Điều lệ của Công ty:**

**Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:**







**-Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:**

1. **Đại hội đồng Cổ đông**
2. **Hội đồng Quản trị**
3. **Ban Kiểm soát**
4. **Ban Tổng giám đốc**
5. **Khối tham mưu giúp việc:**

Các Ban chức năng gồm: Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ, Ban Hành chính Nhân sự; Ban Tài chính kế toán; Ban Mua hàng và Logistics; Ban Quản lý dự án; Ban Quản lý Chất lượng; Ban Đầu tư và Kỹ thuật Công nghệ; Ban Quản lý Thiết bị và Cơ giới; Ban Kinh doanh; Ban Quản lý công trình xây dựng công nghiệp; Trung tâm tư vấn thiết kế; Ban Điều hành sản xuất; Ban Trung tâm Module

**6. Khối trực tiếp sản xuất: Các đơn vị trực tiếp sản xuất của Công ty bao gồm :**

- Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - NM Chế Tạo KCT & TB AMECC số 1
- Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - NM Chế Tạo KCT & TB AMECC số 2
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh AMECC 1
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh Xây dựng dân dụng & Công nghiệp AMECC
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh AMECC Module
- Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh Sơn và Chống ăn mòn AMECC
- Công Ty CP CKXD AMECC - Thi công Cách nhiệt & Chịu nhiệt AMECC
- Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Trung tâm Pha cắt
- Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Gia công Cơ khí Chính xác
- Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Công nghệ Hàn

STT	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của AMS
I	Công Ty Con				
1	Công ty TNHH AMECC MYANMAR	Nhà số (B/7/A), Hanthar Yeik Moon, Thị trấn Kamayut, Yangon, Myanma	Theo hoạt động ủy quyền của Công ty mẹ	500.000 USD (tương đương 11.625.270.000 đồng)	100%
II	Công Ty Liên Kết				
1	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC	Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã An Quang, TP. Hải Phòng	Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng các loại; Gia công cơ khí, chế tạo thiết bị và lắp đặt thiết bị, kết cấu thép	41.999 tỷ đồng	23,50%
2	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM MODULE TOÀN CẦU (GMC)	Lô đất KB2-01, Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	330 Tỷ đồng	20,4%
3	CÔNG TY CP AMECC GT (CÔNG TY CÔNG TY CP MẠ KÈM AMECC)	Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã An Quang, TP. Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ mạ kẽm nhúng nóng, sản xuất grating, gia công chế tạo & lắp đặt kết cấu thép	60 tỷ đồng	11,53%





#### 4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

##### GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### MR. NGUYỄN VĂN NGHĨA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Ngày tháng năm sinh:** 24/03/1963

**Nơi sinh:** Cao Xá - Lâm Thao - Phú Thọ

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Tỷ lệ CP sở hữu:** 17,32%

**Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:**

- 1.Chủ tịch HĐQT - CTCP Tasa Group
- 2.Thành viên HĐQT - CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
- 3.Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán - CTCP Lizen
- 4.Thành viên HĐQT - CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
- 5.Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vận tải Thăng Long

### MR. NGUYỄN VĂN THỌ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

**Ngày tháng năm sinh:** 20/07/1975

**Nơi sinh:** Tân Thọ - Nông Cống - Thanh Hóa

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí

**Tỷ lệ CP sở hữu:** 19,09%

**Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:** Không

### MR. KAZUYUKI SUZUKI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Ngày tháng năm sinh:** 09/04/1984

**Nơi sinh:** Nhật Bản

**Quốc tịch:** Nhật Bản

**Dân tộc:**

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị Kinh doanh

**Tỷ lệ CP sở hữu:** 0%

**Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:** Không

### MR. KIMIYASU MATSUO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Ngày tháng năm sinh:** 31/08/1969

**Nơi sinh:** Nhật Bản

**Quốc tịch:** Nhật Bản

**Dân tộc:**

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kỹ sư

**Tỷ lệ CP sở hữu:** 0%

**Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:** Không



MR. ĐINH NGỌC THẮNG  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 21/10/1967  
Nơi sinh: Đông Lĩnh, Đông Sơn, Thanh Hóa  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương  
Tỷ lệ CP sở hữu: 0,93%  
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:  
Giám đốc Công ty CP Vận tải biển Quốc tế VISC

MR. NGUYỄN ĐĂNG MINH  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 10/06/1976  
Nơi sinh: Hà Nội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Phó Giáo sư  
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%  
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

MR. NGUYỄN SƠN  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 29/07/1974  
Nơi sinh: Thanh Hóa  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế  
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%  
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

MRS. PHẠM MINH HIẾU  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm sinh: 16/10/1976  
Nơi sinh: Thanh Hóa  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế  
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%

MR. MATANORI KOJIMA  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm sinh: 20/04/1969  
Nơi sinh: Nhật Bản  
Quốc tịch: Nhật Bản  
Dân tộc:  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ sư Cơ khí  
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%

MS. ĐẶNG THỊ NGỌC MINH  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm sinh: 31/05/2000  
Nơi sinh: Hải Phòng  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế  
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%



## 5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Phát huy tối đa lợi thế, năng lực ngành nghề, nâng cao chất lượng nguồn lực, tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Đối với thị trường trong nước, xác định mục tiêu tham gia các dự án, hợp đồng với vai trò tổng thầu EPC, trong các lĩnh vực gia công chế tạo kết cấu thép, lắp đặt thiết bị và thực hiện dịch vụ bảo trì, sửa chữa theo nhóm ngành năng lượng, xi măng, hóa chất, lọc hóa dầu, các công trình xây dựng công nghiệp và hạ tầng; Đối với thị trường nước ngoài, xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác truyền thống để đảm bảo nguồn công việc ổn định và lâu dài;

Tăng cường thúc đẩy hợp tác với các đối tác sẵn có, liên doanh, liên kết và có phương án huy động vốn đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh được kịp thời.

Xây dựng chính sách đãi ngộ và đào tạo nguồn nhân lực kỹ sư, kỹ thuật, kỹ sư quản lý dự án, kỹ sư quản lý chất lượng, thợ hàn kỹ thuật cao, thợ lắp đặt để nâng cao giá trị năng lực, thương hiệu, cũng như công suất-năng suất gia công chế tạo và lắp đặt đáp ứng thi công các dự án lớn.

Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công tác đổi mới, ứng dụng CNTT tại doanh nghiệp phù hợp với quy mô và hoạt động thực tế của Công ty trong đó trọng tâm là công tác tổ chức và hệ thống quản trị.

Đảm bảo công tác an toàn lao động, thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp, hàng năm tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo môi trường xanh, sạch, đẹp cho Công ty và cộng đồng.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

#### Chiến lược về SXKD

Duy trì ngành nghề kinh doanh chính và phát triển quy mô sản xuất kinh doanh, mở rộng và khai thác thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu, nâng tỷ trọng hàng xuất khẩu và lắp đặt cao hơn để gia tăng lợi nhuận. Hợp tác với các nhà thầu có uy tín trong và ngoài nước để tham gia làm thành viên trong Tổng thầu EPC thực hiện các dự án lớn trong nước và ngoài nước.

Tiếp tục đầu tư chiều sâu về công nghệ, máy móc, thiết bị, đáp ứng các ngành nghề cung cấp, gia công chế tạo, xây lắp tổng thầu các dự án có quy mô lớn, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất đã hoàn thành đầu tư. Duy trì và tăng cường hệ thống quản lý ISO, ASME, 5S, quản trị tinh gọn MIV ...và ứng dụng các phần mềm quản lý khác.



### HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Xác định hệ thống quản trị phù hợp là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý rủi ro và giám sát chi tiêu bằng cách kiểm soát hiệu quả công tác thu hồi công nợ, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí.

Mở rộng thị trường trong nước và phát triển thị trường ra nước ngoài, phát huy vai trò của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước. Đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu trong mối quan hệ với các đối tác hiện có và tiếp cận khách hàng tiềm năng bằng nhiều kênh và đầu mối thông tin, linh hoạt nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường.

Tăng cường cải tiến hệ thống quản lý, cơ cấu bộ máy tổ chức nhân sự để phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty. Hiện tại cổ phiếu của công ty đã lưu ký trên sàn UPCoM và sẽ cân nhắc thời điểm thích hợp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE).

### NGUỒN NHÂN LỰC

Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh trên cơ sở mở rộng quy mô sản xuất và doanh thu.

Xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả để giảm tỷ lệ lao động gián tiếp và giảm chi phí gián tiếp.

Nâng cao chất lượng lao động theo hướng chuyên môn hóa, đào tạo năng lực trình độ chuyên môn và quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý.

Tăng cường xây dựng và đào tạo kỹ năng làm việc, tác phong công nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cho CBCNV; đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.



## CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo nên môi trường Xanh - Sạch - Đẹp cho Công ty, cộng đồng và xã hội.

## 6. CÁC RỦI RO

Năm 2025, KT-CT-XH thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng của nhiều biến cố, bất định khó lường đã và đang tiếp tục diễn ra, từ cạnh tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc; ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19; khủng hoảng Nga-Ukraine, xung đột Hamas-Israel, siêu bão Yagi, biến đổi khí hậu, ... khiến cho trật tự và hoạt động kinh tế thế giới thay đổi mạnh mẽ và làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Ở trong nước, nền kinh tế nước ta tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi bối cảnh kinh tế thế giới, nhất là về xuất nhập khẩu, công nghiệp chế biến, chế tạo, thu hút đầu tư, ...

Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, các doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với khó khăn về thị trường, khát vốn, mặc dù chính sách tín dụng đã được nới lỏng, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm, nhưng doanh nghiệp khó tiếp cận vốn, cộng với chi phí đầu vào sản xuất tăng cao; dẫn đến nhiều doanh nghiệp phá sản hoặc vật lộn để tồn tại, thị trường lao động gặp khó khăn khi doanh nghiệp bắt buộc phải giảm giờ làm, giảm lương, cắt giảm lao động, tình trạng người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần gia tăng, ...

Trong bối cảnh như vậy, tình hình SXKD của Công ty ít nhiều cũng bị tác động ảnh hưởng. Việc rủi ro được nhận dạng và phân loại theo hai phương diện: khách quan và chủ quan.

### RỦI RO ĐỐI VỚI LĨNH VỰC KINH DOANH

**Khách quan:** Là những rủi ro xuất hiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.

- Rủi ro từ chính sách;
- Rủi ro từ các sự kiện bất khả kháng.

**Chủ quan:** Là những rủi ro nảy sinh từ trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn;

- Rủi ro trong hoạt động quản trị, điều hành;
- Rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán;
- Rủi ro trong lĩnh vực đầu tư;
- Rủi ro trong đấu thầu;
- Rủi ro trong ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế;
- Rủi ro trong tổ chức thi công.

## ĐÁNH GIÁ VÀ ỨNG PHÓ VỚI CÁC RỦI RO

Sự rủi ro có thể tồn tại song song với hoạt động SXKD của doanh nghiệp, vì vậy trong các trường hợp cụ thể trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro cân đối với lợi ích toàn diện về tài chính, cơ hội. Công ty có các phương án ứng phó rủi ro khác nhau:

- Chấp nhận rủi ro nếu thấy có thể kiểm soát.
- Giảm thiểu rủi ro nếu chưa có giải pháp kiểm soát toàn bộ.
- Chuyển/chia sẻ rủi ro nếu không muốn và/hoặc không thể chấp nhận toàn bộ.
- Né tránh rủi ro nếu không có giải pháp kiểm soát.

# II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

## 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### THÔNG TIN NGÀNH

Năm 2025, ngành cơ khí Việt Nam tiếp tục duy trì vai trò là ngành công nghiệp nền tảng, gắn liền với sự phát triển của công nghiệp chế biến, chế tạo. Theo số liệu thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành năm 2025 tăng khoảng 9,2% so với năm 2024, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 10,5%, là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế. Đây là mức tăng cao nhất trong nhiều năm gần đây, cho thấy sự phục hồi và mở rộng của nhu cầu đối với sản phẩm cơ khí.

Về quy mô doanh nghiệp, ngành cơ khí tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong công nghiệp chế biến, chế tạo. Cả nước có khoảng 3.100 doanh nghiệp cơ khí chế tạo với hơn 53.000 cơ sở sản xuất, chiếm gần 30% tổng số doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo. Lực lượng doanh nghiệp này đóng vai trò quan trọng trong việc cung ứng thiết bị, máy móc cho các ngành như xây dựng, năng lượng, ô tô, điện tử và công nghiệp nặng.

Về sản xuất, nhiều nhóm sản phẩm cơ khí ghi nhận tăng trưởng khá trong năm 2025, phản ánh nhu cầu thị trường phục hồi: Sản xuất kim loại tăng khoảng 15,4%, Sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 12,5%, Sản xuất xe có động cơ tăng mạnh 22%.

Về thị trường, ngành cơ khí Việt Nam tiếp tục có dư địa tăng trưởng lớn. Nhu cầu thị trường nội địa được ước tính có thể đạt quy mô khoảng 310 tỷ USD vào năm 2030, tạo nền tảng cho doanh nghiệp cơ khí mở rộng sản xuất trong giai đoạn tới. Tuy nhiên, năng lực đáp ứng trong nước vẫn còn hạn chế, đặc biệt ở các sản phẩm cơ khí có hàm lượng công nghệ cao.



Trong năm 2025, nhu cầu thực tế đối với máy móc, thiết bị và sản phẩm cơ khí vẫn duy trì ở mức cao, thể hiện qua kim ngạch xuất khẩu nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng đạt khoảng 59,04 tỷ USD, tăng 13,2% so với năm 2024, đồng thời cũng phản ánh nhu cầu lớn của thị trường trong và ngoài nước.

Bên cạnh kết quả đạt được, ngành cơ khí năm 2025 vẫn đối mặt với nhiều thách thức như: phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu, năng lực công nghệ chưa đồng đều giữa các doanh nghiệp, và áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp FDI. Đồng thời, yêu cầu về chuyển đổi số, tự động hóa và sản xuất xanh ngày càng cao, buộc doanh nghiệp phải tăng cường đầu tư để nâng cao năng suất và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Nhìn chung, năm 2025 đánh dấu giai đoạn tăng trưởng khá của ngành cơ khí, với tốc độ tăng trưởng ước đạt khoảng 9-10%, tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những trụ cột của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Quy mô doanh nghiệp trong ngành duy trì ở mức lớn, mạng lưới sản xuất ngày càng được mở rộng, đồng thời thị trường trong nước tiếp tục ghi nhận tiềm năng tăng trưởng cao nhờ nhu cầu đầu tư vào hạ tầng, năng lượng và công nghiệp. Bên cạnh đó, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu và sự gia tăng của dòng vốn đầu tư vào lĩnh vực chế biến, chế tạo cũng tạo thêm động lực để ngành cơ khí tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và quốc tế.

Năm 2025, ngành cơ khí duy trì đà tăng trưởng tích cực, nhu cầu thị trường tiếp tục mở rộng và xu hướng chuyển dịch sang sản xuất chế tạo có giá trị gia tăng cao đã tạo điều kiện thuận lợi để Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC phát huy thế mạnh cốt lõi. Các yếu tố này góp phần duy trì nguồn việc ổn định, đồng thời hỗ trợ Công ty từng bước nâng cao chất lượng doanh thu và hiệu quả hoạt động.

Trước yêu cầu ngày càng cao về công nghệ, tiêu chuẩn và năng lực cạnh tranh, Công ty chủ động thích ứng thông qua việc đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện hệ thống quản trị và nâng cao năng lực thi công – chế tạo. Qua đó, AMECC từng bước củng cố vị thế trong chuỗi giá trị ngành cơ khí, hướng tới phát triển ổn định và bền vững trong trung và dài hạn.

### 6. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH RIÊNG LẺ SO VỚI KẾ HOẠCH

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KH NĂM 2025	TH NĂM 2025	TH NĂM 2025/KH NĂM 2025 (%)
DOANH THU	TỶ ĐỒNG	3.800	3.515	92,5%
LN TRƯỚC THUẾ	TỶ ĐỒNG	100	84	84%
LN SAU THUẾ	TỶ ĐỒNG	80	53	66,3%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ 2025 đã kiểm toán

Trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, doanh thu công ty năm 2025 đạt 92,5% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông 2024 thông qua. Lợi nhuận trước thuế đạt 84% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 66,3% kế hoạch. Kết quả này chủ yếu chịu tác động từ điều kiện thị trường và môi trường kinh doanh. Tuy vậy, với sự chủ động trong công tác điều hành và khả năng thích ứng linh hoạt, Công ty vẫn duy trì được nhịp độ sản xuất kinh doanh ổn định, đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án và hoạt động vận hành được xuyên suốt.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn được duy trì ổn định, từng bước củng cố nền tảng hoạt động, qua đó góp phần đảm bảo hiệu quả chung và tạo tiền đề cho sự phát triển trong các giai đoạn tiếp theo.

### KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT SO VỚI THỰC HIỆN

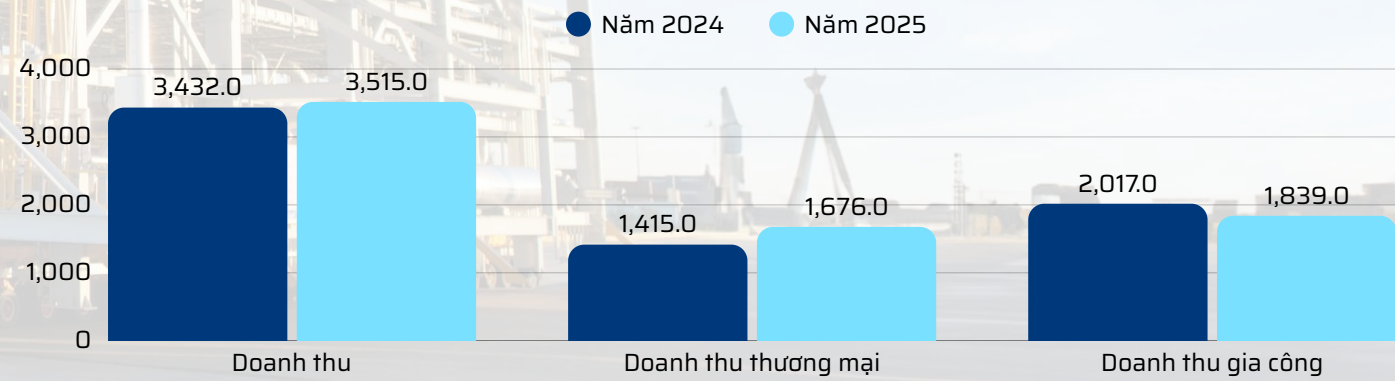
CHỈ TIÊU	NĂM 2025 (VNĐ)	NĂM 2024 (VNĐ)	TĂNG(+) / GIẢM(-) (%)
DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	3.515	3.431	+2,4%
GIÁ VỐN HÀNG BÁN	3.228	3.115	+3,6%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	86	64	+34,4%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	54.89	55.04	-0,3%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2025 đã kiểm toán

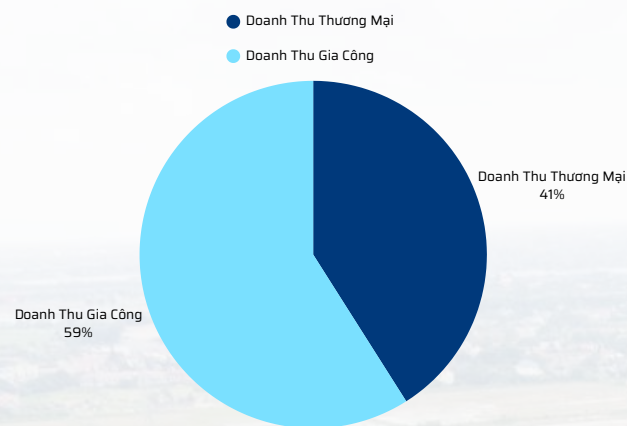
Doanh thu hợp nhất năm 2025 bằng 102,4% so với năm 2024, số liệu này cho thấy sự tăng trưởng của công ty. Đồng thời, do trong năm 2025 công ty con là Công ty TNHH AMECC MYANMAR vẫn đang trong quá trình tái thiết lập lại bộ máy nên chưa phát sinh doanh thu.

Trong năm 2025 doanh thu, giá vốn, lợi nhuận trước thuế đều tăng cho thấy kết quả của sự nỗ lực nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh công tác quản lý chi phí, tối ưu hoá lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh, tạo sự an tâm cho Ban điều hành và nhà đầu tư, đồng thời tạo nền tảng cho tăng trưởng ổn định trong giai đoạn tới.

### CƠ CẤU DOANH THU, LỢI NHUẬN







NĂM 2024

Trong năm 2025, doanh thu từ gia công chế tạo, lắp đặt đạt 1.839 tỷ đồng chiếm tỷ trọng khoảng 52% tổng doanh thu, giảm so với mức 2.017 tỷ đồng tương ứng 59% của năm 2024. Ngược lại, doanh thu thương mại đạt 1.676 tỷ đồng chiếm tỷ trọng khoảng 48%, tăng so với mức 1.415 tỷ đồng tương ứng 41% của năm 2024.

Năm 2026, Ban điều hành có định hướng chuyển dịch cơ cấu doanh thu theo hướng tăng tỷ trọng gia công chế tạo, lắp đặt - lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, qua đó tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### MR. NGUYỄN VĂN THỌ - TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

**Ngày tháng năm sinh:** 20/07/1975

**Nơi sinh:** Tân Thọ - Nông Cống - Thanh Hóa

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí

**Tỷ lệ CP sở hữu:** 19,09%

**Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:** Không

### MR. NGUYỄN HỮU PHONG - KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Ngày tháng năm sinh:** 01/01/1964

**Nơi sinh:** Hải Dương

**Quốc tịch:** Việt Nam

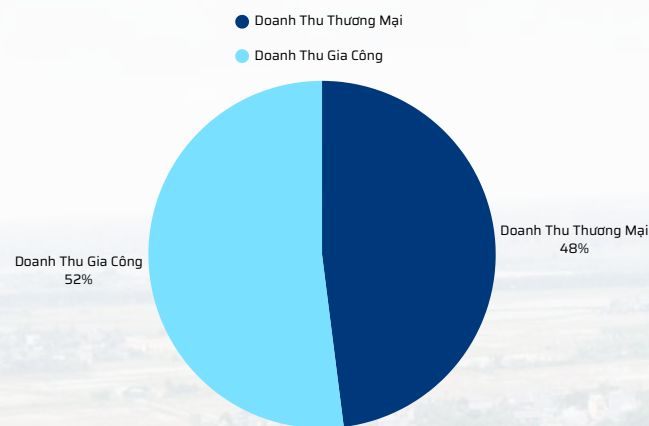
**Dân tộc:** Kinh

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kế toán

**Tỷ lệ CP sở hữu:** 0.46%

**Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:** Không



NĂM 2025

**TRONG ĐÓ, VỊ TRÍ TRONG BAN ĐIỀU HÀNH THAY ĐỔI TRONG NĂM 2025:**

### MR. LÊ MINH TUẤN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**Ngày tháng năm sinh:** 28/02/1973

**Nơi sinh:** Hà Nội

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Nhiệt công nghiệp - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**Tỷ lệ CP sở hữu:** 0,24%

**Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:** Không

**Miễn nhiệm:** 24/11/2025

### MR. TRƯƠNG BÁ MINH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**Ngày tháng năm sinh:** 19/10/1979

**Nơi sinh:** Nghệ An

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

**Tỷ lệ CP sở hữu:** 0%

**Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:** Không

**Miễn nhiệm:** 28/04/2025





NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ NĂM 2025: 1.147 LAO ĐỘNG

CƠ CẤU NHÂN SỰ:

STT	TIÊU CHÍ	NĂM 2024	
		SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ TRỌNG
I. THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG			
1	TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ TRÊN ĐẠI HỌC	201	17,53%
2	TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP	127	11,07%
3	SƠ CẤP VÀ CÔNG NHÂN KỸ THUẬT	508	44,29%
4	LAO ĐỘNG PHỔ THÔNG	311	27,11%
II. THEO ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG			
1	LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP	820	71,49%
2	LAO ĐỘNG GIÁN TIẾP	327	28,51%
III. THEO GIỚI TÍNH			
1	NAM	933	81,34%
2	NỮ	214	18,66%
IV. THEO ĐỘ TUỔI			
1	TỪ 18 ĐẾN 25 TUỔI	134	11,68%
2	TỪ 26 ĐẾN 35 TUỔI	272	23,72%
3	TỪ 36 ĐẾN 45 TUỔI	515	44,90%
4	TRÊN 45	226	19,70%
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG		1.147	100%

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

VỀ TIỀN LƯƠNG:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo tính chất và hiệu quả công việc mức lương bình quân thu nhập trên **15,5 triệu đồng/1 người/1 tháng**. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với CBCNV gián tiếp, nghiệp vụ chuyên môn hưởng lương theo mức quy định chức danh và hệ số hàng tháng. Hệ số căn cứ vào công việc, trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Hiện tại, Công ty đang tiến hành xây dựng hình thức trả lương theo nguyên tắc 3P, xây dựng KPI cho từng cá nhân, nhằm đảm bảo công bằng và hợp lý để khuyến khích người lao động phấn đấu và hăng say trong công tác.

Xây dựng nội quy thưởng năng suất theo 5 chỉ tiêu: An (An toàn, Tuân thủ) - Chất (Chất lượng công việc) - Nhuận (Hiệu quả, Tối ưu) - Tốc (Tiến độ, Phản ứng) - Hợp (Phối hợp, Kỷ luật) nhằm thúc đẩy cán bộ nhân viên nâng cao năng suất, tối ưu hóa quy trình và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, đồng thời đảm bảo thu nhập tương xứng với đóng góp và giá trị tạo ra, qua đó tạo động lực làm việc lâu dài và xây dựng văn hóa hướng tới kết quả và hiệu suất cao.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO:

Trong năm 2025, tổng cộng có 111 khóa đào tạo nội bộ và một số khóa đào tạo ngoài trong công ty trong đó có 02 khóa là đào tạo an toàn vận hành thiết bị nâng nội bộ, 104 khóa đào tạo nội bộ tiếng Nhật cho công nhân, 02 khoá đào tạo cách tổ chức vệ sinh công nghiệp, 01 khoá đào tạo tính lương, Bảo hiểm xã hội, thuế đối với văn phòng các chi nhánh, đơn vị sản xuất, 01 khoá đào tạo về yếu tố nguy hiểm tiềm ẩn tại nhà máy, 01 khoá đào tạo hướng dẫn công tác bảo vệ nhà máy.

Công ty cử cán bộ chủ chốt tham gia lớp quản lý chất lượng về các chứng chỉ, Ban Kinh doanh đào tạo trực tiếp trong quá trình làm việc...

Công ty cử cán bộ chủ chốt tham gia lớp tập huấn về quản trị công ty, quản trị nhân sự, tài chính và quản lý dự án, tiếp cận công nghệ cao, áp dụng phần mềm quản lý trong quá trình SXKD.

Hàng năm công ty thường xuyên mở các khóa tập huấn về chuyên môn, đào tạo tại chỗ cho các công nhân lành nghề được cấp chứng chỉ như: Chứng chỉ 3G, 4G, 6G...Thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

Mở lớp đào tạo về an toàn được diễn ra 02 lần/tuần, đều đặn để bất cứ ai làm việc tại Công ty đều hiểu được vai trò của công tác an toàn có vai trò quan trọng như thế nào trong công ty sản xuất.

VỀ CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG:

Để khuyến khích người lao động, hàng năm Công ty tổ chức phong trào thi đua khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc hoàn thành tốt nhiệm vụ, bên cạnh đó Công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của công ty.



CÔNG TÁC ĐỜI SỐNG, QUYỀN LỢI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Công ty luôn quan tâm đảm bảo việc làm cho người lao động làm việc và thu nhập tương xứng với kết quả lao động, trả lương kịp thời và hỗ trợ 100% chi phí ăn trưa, ăn tối phục vụ CBCNV đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, Công ty phát động gây dựng Quỹ tình thương, trợ cấp khó khăn kịp thời và đúng đối tượng cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo kinh phí để hỗ trợ cho các đối tượng theo quy chế mà Công ty đã quy định.

THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA NHÀ NƯỚC NHƯ:

Chế độ BHXH, BHYT, Bảo hiểm tai nạn 24 giờ cho 100% người lao động được hưởng chế độ, mua bảo hiểm thân thể, hàng năm tổ chức Hội nghị người lao động và khám sức khoẻ định kỳ cho toàn thể CBCNV, cũng như định kỳ hàng tháng tổ chức hoạt động chúc mừng sinh nhật cho các cán bộ công nhân viên có ngày sinh trong tháng.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

A. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

- ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG KHU 2

**Địa điểm xây dựng:** xã An Quang, Hải Phòng;  
**Mục đích xây dựng:** Xây dựng thêm nhà xưởng, nâng cấp toà nhà văn phòng, hệ thống đường nội bộ, cấp thoát nước, điện, mua máy móc thiết bị,...;  
**Nguồn vốn đầu tư:** Vốn tự có và vốn vay;  
**Tổng mức đầu tư:** 225 tỷ VND;  
**Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành:** từ tháng 01/2022, dự kiến hoàn thành trong quý I/2026;  
**Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025:** đã hoàn thành và tăng tài sản các hạng mục nhà A5, A6, A7; các hạng mục còn lại đang tiếp tục thực hiện.

- DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐỒNG BỘ NĂM 2025-S200

**Địa điểm xây dựng:** xã An Quang, Hải Phòng;  
**Mục đích xây dựng:** Chuẩn bị cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất sản lượng ngày càng lớn và sự phát triển của Công ty;  
**Nguồn vốn đầu tư:** Vốn tự có;  
**Thời gian bắt đầu triển khai:** triển khai tại thời điểm 14/01/2025;  
**Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025:** Vẫn đang tiếp tục thực hiện nhiều hạng mục trên mặt bằng Công ty.

- Dự án đầu tư nâng cấp GMC

**Địa điểm xây dựng:** Lô đất KB2-01, Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng;  
**Mục đích xây dựng:** Chuẩn bị cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty tại GMC;  
**Tổng mức đầu tư:** 56 tỷ VND;  
**Nguồn vốn đầu tư:** Vốn tự có;  
**Thời gian dự kiến hoàn thành:** quý II/2026;  
**Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025:** Dự án đang được tiếp tục thực hiện.

B. TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON: CÔNG TY TNHH AMECC MYANMAR

- Năm 2017, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC thành lập Công ty TNHH AMECC Myanmar (AMECC Myanmar Co.,Ltd) có trụ sở chính tại Thành phố Yangon chuyên cung cấp dịch vụ gia công cơ khí chế tạo.
- Từ năm 2021, do dịch bệnh Covid - 19 và nội chiến kéo dài tại Myanmar, Công ty TNHH AMECC MYANMAR đang tạm ngừng hoạt động và đang trong quá trình tái thiết lập lại bộ máy, dự kiến sẽ hoạt động trở lại trong năm 2026.

CÔNG TY LIÊN KẾT: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC

- Năm 2016, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC góp vốn thành lập CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC WEI SHENG, nay đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương Mại AMECC, chuyên cung cấp các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...) với giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tình hình tài chính của Công ty CP Thương mại AMECC năm 2025 như sau:
- Doanh thu: **719.826,56 triệu đồng**
- Lợi nhuận sau thuế: **2.070,62 triệu đồng**

CÔNG TY LIÊN KẾT: CÔNG TY CP TRUNG TÂM MODULE TOÀN CẦU (GMC)

- Tháng 12/2022, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC góp vốn thành lập Công ty cổ phần Trung tâm Module toàn cầu (GMC) có trụ sở chính tại Khu Kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng, ngành nghề kinh doanh chính như: sản xuất kết cấu thép, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; thực hiện các công tác lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ thi công xây dựng công trình công nghiệp; cho thuê văn phòng nhà xưởng, kho bãi và lưu trữ hàng hoá.
- Tình hình tài chính của Công ty CP Trung tâm Module toàn cầu năm 2025 như sau:
- Doanh thu: **69.603,02 triệu đồng**
- Lợi nhuận sau thuế: **6.364,94 triệu đồng**

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	% TĂNG GIẢM/%
1	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	3.278,48	3.911,26	+ 19,30%
2	DOANH THU THUẦN	3.431,98	3.515,21	+ 2,43%
3	LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	93,35	116,24	+ 24,52%
4	LỢI NHUẬN KHÁC	(29,17)	(30,36)	+ 4,08%
5	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	64,18	85,88	+ 33,81%
6	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	55,04	54,89	- 0,27%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2025 đã kiểm toán



Trong năm 2025, các chỉ tiêu tăng trưởng đã chậm dần lại sau một năm nền kinh tế toàn cầu đang dần hồi phục sau đại dịch và chiến tranh.

Tổng giá trị tài sản công ty đạt 3.911,26 tỷ đồng, tăng 19,30% so với năm 2024, cho thấy Công ty chủ động gia tăng nguồn lực nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển lâu dài. Mức tăng này đồng thời phản ánh việc mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực triển khai các dự án trong thời gian tới.

Doanh thu thuần đạt 3.515,21 tỷ đồng, tăng 2,43% so với năm 2024, phản ánh sự ổn định trong hoạt động kinh doanh và khả năng thích ứng linh hoạt với bối cảnh thị trường, đồng thời duy trì hiệu quả triển khai các hợp đồng và dự án hiện hữu của công ty.

Đồng thời, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 116,24 tỷ đồng, tăng 24,52%, thể hiện hiệu quả vận hành được cải thiện rõ rệt thông qua việc nâng cao năng suất và tối ưu chi phí. Lợi nhuận khác được kiểm soát trong phạm vi phù hợp, không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả chung. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế đạt 85,88 tỷ đồng, tăng 33,81%, phản ánh xu hướng cải thiện tích cực về hiệu quả tổng thể.

Lợi nhuận sau thuế đạt 54,89 tỷ đồng, duy trì tương đương năm trước, qua đó tiếp tục khẳng định sự ổn định và bền vững trong hiệu quả hoạt động kinh doanh, đồng thời thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc tối ưu chi phí, duy trì hiệu quả vận hành và thích ứng linh hoạt với các biến động của thị trường.

Tổng thể, năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng của AMECC về quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động và duy trì nền tảng tài chính ổn định, tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.



B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	ĐƠN VỊ TÍNH
A	CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
1	HỆ SỐ THANH TOÁN NGẮN HẠN			
	TÀI SẢN NGẮN HẠN/NỢ NGẮN HẠN	1,02	1,07	LẦN
2	HỆ SỐ THANH TOÁN NHANH			
	(TÀI SẢN NH - HÀNG TỒN KHO)/NỢ NGẮN HẠN	0,56	0,63	LẦN
B	CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
1	HỆ SỐ NỢ/TỔNG TÀI SẢN (TD/TA)	75,31	77,95	%
2	HỆ SỐ NỢ/VỐN CHỦ SỞ HỮU (D/E)	3,05	3,54	LẦN
C	CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
1	VÒNG QUAY HÀNG TỒN KHO	3,25	3,04	VÒNG
2	VÒNG QUAY TỔNG TÀI SẢN	1,04	0,98	VÒNG
D	CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
1	HỆ SỐ LỢI NHUẬN SAU THUẾ/DOANH THU THUẦN	1,60	1,56	%
2	HỆ SỐ LỢI NHUẬN SAU THUẾ/TỔNG TÀI SẢN (ROA)	1,66	1,53	%
3	HỆ SỐ LỢI NHUẬN SAU THUẾ/ VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE)	6,90	6,57	%
4	HỆ SỐ LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH/DOANH THU THUẦN	2,72	3,31	%

HỆ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các chỉ số thanh toán của Công ty trong năm 2025 ghi nhận xu hướng cải thiện rõ rệt so với năm 2024, phản ánh khả năng đảm bảo nghĩa vụ tài chính ngắn hạn ngày càng được củng cố. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,02 lên 1,07 lần, cho thấy quy mô tài sản ngắn hạn đã được duy trì ở mức cao hơn so với nợ ngắn hạn, qua đó giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn.

Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,56 lên 0,63 lần, phản ánh khả năng thanh toán ngay bằng các tài sản có tính thanh khoản cao (không bao gồm hàng tồn kho) đã được nâng lên. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã từng bước cải thiện chất lượng tài sản ngắn hạn, tăng cường nguồn lực tài chính linh hoạt, từ đó nâng cao mức độ an toàn trong thanh toán. Nhìn chung, sự gia tăng của cả hai chỉ số cho thấy tình hình thanh khoản của Công ty đang được cải thiện theo hướng tích cực, góp phần củng cố nền tảng tài chính và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Các hệ số đòn bẩy tài chính năm 2025 có sự gia tăng so với năm 2024, phản ánh doanh nghiệp đang chủ động tận dụng nguồn vốn vay để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 75,31% lên 77,95%, cho thấy tỷ trọng nguồn vốn huy động bên ngoài được mở rộng, góp phần đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động. Đồng thời, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 3,05 lên 3,54 lần, thể hiện mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính cao hơn.

Nhìn chung, việc gia tăng các chỉ số này cho thấy doanh nghiệp đang linh hoạt trong việc sử dụng nguồn vốn nhằm mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

HỆ SỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động năm 2025 có sự điều chỉnh nhẹ so với năm 2024, nhưng nhìn chung vẫn duy trì ở mức ổn định, phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp tập trung tái cơ cấu và nâng cao chất lượng hoạt động.

Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho giảm từ 3,25 xuống 3,04 vòng, cho thấy doanh nghiệp có xu hướng chủ động dự trữ nguyên vật liệu nhằm đảm bảo tiến độ sản xuất và tính liên tục của các dự án. Đồng thời, vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,04 xuống 0,98 vòng, phản ánh việc mở rộng quy mô tài sản để phục vụ hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

Nhìn chung, các biến động này thể hiện sự chủ động trong điều hành và chuẩn bị nguồn lực, tạo nền tảng cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

HỆ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2025, các chỉ tiêu sinh lời có sự điều chỉnh nhẹ nhưng vẫn phản ánh xu hướng tích cực trong hoạt động của Công ty. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS), ROA và ROE giảm nhẹ so với năm 2024 chủ yếu trong bối cảnh doanh nghiệp tiếp tục mở rộng quy mô tài sản và tăng cường sử dụng nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điểm đáng chú ý là tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần tăng từ 2,72% lên 3,31%, cho thấy hiệu quả từ hoạt động cốt lõi được cải thiện rõ rệt. Đồng thời, cơ cấu doanh thu tiếp tục được điều chỉnh theo định hướng đã đề ra, tập trung vào gia công chế tạo và lắp đặt – lĩnh vực có tính ổn định và giá trị gia tăng cao hơn.

Qua đó, có thể thấy Công ty đang từng bước nâng cao chất lượng lợi nhuận và hiệu quả hoạt động, khẳng định tính phù hợp của định hướng điều hành trong việc hướng tới phát triển bền vững.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

5.1. CỔ PHẦN

Tính đến hết ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC đã phát hành 60.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

- **Số cổ phần phổ thông:** 60.000.000 cổ phiếu
- **Số cổ phần ưu đãi:** 0 cổ phiếu
- **Số cổ phần đang lưu hành:** 60.000.000 cổ phiếu
- **Số cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:** 0 cổ phiếu
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu

5.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

NGUỒN: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 28/04/2025

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
I	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	1.707	38.683.422	64,47%
1	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	04	20.001	0,03%
2	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	1703	38.663.421	64,44%
B	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	12	21.316.578	35,53%
1	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	02	21.202.178	35,34%
2	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	10	114.400	0,19%
TỔNG CỘNG		1.719	60.000.000	100,00%

\* AMS không có cổ đông nhà nước.



5.3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ/VĐL
1	NGUYỄN VĂN NGHĨA	10.392.000	17,32%
2	NGUYỄN VĂN THỌ	11.454.614	19,09%
3	SANKYU INC.	21.030.000	35,05%
TỔNG CỘNG		42.876.614	71,46%

Theo Thông báo số 8266/UBCK-PTTT ngày 12/12/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC, Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty ở mức 49%. Đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty vẫn được duy trì phù hợp và tuân thủ quy định nêu trên.

5.4. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

LỊCH SỬ TĂNG VỐN

- Tăng vốn lần 1 (10/2010): Từ 50 lên 60 tỷ đồng
- Tăng vốn lần 2 (09/2012): Từ 60 lên 70 tỷ đồng
- Tăng vốn lần 3 (10/2015): Từ 70 lên 120 tỷ đồng
- Tăng vốn lần 4 (11/2016): Từ 120 lên 150 tỷ đồng
- Tăng vốn lần 5 (04/2018): Từ 150 lên 200 tỷ đồng
- Tăng vốn lần 6 (12/2018): Từ 200 lên 300 tỷ đồng
- Tăng vốn lần 7 (12/2019): Từ 300 lên 333 tỷ đồng
- Tăng vốn lần 8 (12/2020): Từ 333 lên 366.298.650.000 đồng.
- Tăng vốn lần 9 (03/2023): Từ 366.298.650.000 đồng lên 600 tỷ đồng.

5.5. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: KHÔNG CÓ

5.6. CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: KHÔNG CÓ

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG:

CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH:

Doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp giảm thải khí nhà kính như sử dụng đèn LED, tắt thiết bị điện khi không dùng, và cài đặt cảm biến ánh sáng để tiết kiệm điện. Ngoài ra, AMECC cũng cho lắp đặt điện mặt trời áp mái hoặc máy nước nóng năng lượng mặt trời.

Doanh nghiệp đã phân loại và tái chế rác, hạn chế dùng đồ nhựa một lần, đồng thời khuyến khích nhân viên sử dụng ly, túi cá nhân. Các cuộc họp được tổ chức online khi có thể để giảm thiểu di chuyển, đồng thời đẩy mạnh số hóa tài liệu để giảm in ấn giấy.

Đồng thời, AMECC đẩy mạnh việc trồng cây tại văn phòng và tham gia các chương trình trồng rừng là cách thiết thực để hấp thụ khí CO<sub>2</sub>.

6.2. QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

A. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

NGUYÊN VẬT LIỆU SỬ DỤNG TRONG NĂM 2025

STT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	SẮT THÉP CÁC LOẠI	KG	161.057.209
2	SƠN VÀ PHỤ GIA	LÍT	269.116
4	VẬT LIỆU HÀN	KG	939.682
5	VẬT LIỆU KHÍ	CHAI	12.992

B. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có



6.3. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG: NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

CHỈ TIÊU	NĂM 2025 (VND)	NĂM 2024 (VND)
KHỐI SẢN XUẤT	11.115.737.298	11.414.706.601
KHỐI VĂN PHÒNG	1.039.463.464	1.116.057.197

6.4. TIÊU THỤ NƯỚC:

CHỈ TIÊU	NĂM 2025 (VND)	NĂM 2024 (VND)
KHỐI SẢN XUẤT	89.020.182	221.140.632
KHỐI VĂN PHÒNG	124.493.121	190.657.300

6.5. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- A. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không
- B. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.6. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

A. SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

AMECC hiện có 1.147 người lao động.

Mức lương bình quân đạt 15,5 triệu đồng/người/tháng, không ngừng được cải thiện qua từng năm nhờ vào việc tối ưu năng suất lao động, chính sách đãi ngộ cạnh tranh và hoạt động kinh doanh ổn định.

Công ty cam kết xây dựng môi trường làm việc ổn định, công bằng và nhân văn, coi người lao động là trung tâm của sự phát triển bền vững. Ngoài các chế độ theo quy định pháp luật, AMECC liên tục nâng cấp các chính sách nội bộ theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và gắn kết dài lâu với người lao động

B. CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

AMECC chú trọng đến an toàn, sức khỏe, đời sống và phát triển toàn diện cho người lao động thông qua các chương trình cụ thể:

Chế độ phúc lợi mở rộng:

Ngoài chế độ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, công ty còn có các chương trình hỗ trợ y tế nội bộ, khám sức khỏe định kỳ 1-2 lần/năm, quà tặng dịp sinh nhật, hiếu hỉ, học bổng cho con em CBCNV, hỗ trợ tài chính khẩn cấp, hỗ trợ nhà ở cho công nhân xa quê.

Chăm lo sức khỏe tinh thần:

Tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao – teambuilding – du lịch hàng năm; duy trì các CLB nội bộ (bóng đá, bóng bàn, âm nhạc...) tạo sự gắn kết và tái tạo năng lượng tích cực cho nhân viên.

An toàn lao động và điều kiện làm việc:

Cải tiến liên tục về công tác An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ): tập huấn định kỳ, giám sát chéo tại hiện trường, nâng cấp trang thiết bị bảo hộ lao động; đầu tư cải thiện môi trường làm việc tại nhà máy theo hướng xanh, sạch, chuyên nghiệp.

Chính sách linh hoạt và nhân văn:

Từng bước áp dụng chính sách làm việc linh hoạt cho khối văn phòng: làm việc từ xa, làm việc online đối với nhân sự làm việc dự án,.....

C. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Với định hướng trở thành doanh nghiệp cơ khí hàng đầu khu vực, AMECC đầu tư mạnh mẽ vào nâng cao năng lực con người:

Đào tạo đa tầng – theo chiều sâu và chiều rộng:

- Đào tạo nội bộ tại Trung tâm Hàn – phát triển thợ lành nghề, chuẩn hóa tay nghề theo yêu cầu dự án trong nước và quốc tế.
- Đào tạo kỹ năng quản lý, phần mềm kỹ thuật, chuyển giao công nghệ mới cho các kỹ sư, chuyên viên thông qua hợp tác với các chuyên gia và tổ chức đào tạo uy tín trong và ngoài nước.
- Cử cán bộ tham gia các chương trình khảo sát, học tập kinh nghiệm tại các doanh nghiệp quốc tế (Nhật Bản, Hàn Quốc, châu Âu...).

Phát triển đội ngũ kế cận và chuẩn hóa hệ thống quản lý nhân sự:

- Xây dựng lộ trình thăng tiến và phát triển năng lực cá nhân cho từng cấp nhân viên.
- Chuẩn hóa bộ KPI – OKR, đánh giá hiệu suất theo năng lực và đóng góp.
- Kiến toàn bộ máy theo mô hình quản trị ba nhân tố: Người định hướng – Người thực thi – Người kiểm soát.
- Tăng cường vai trò của Ban Kỹ thuật Công nghệ và Chuyển đổi số để áp dụng tự động hóa, số hóa công tác nhân sự và quản lý hiệu quả.



## 6.7. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị đã chủ động tham gia các chương trình bảo vệ môi trường như dọn dẹp cảnh quan, tuyên truyền phân loại rác tại nguồn, đồng thời triển khai các sáng kiến xanh trong nội bộ tổ chức cũng như tại cộng đồng dân cư.

Thông qua việc tạo cơ hội việc làm, hỗ trợ đào tạo nghề, kết nối tiêu thụ sản phẩm địa phương, chúng tôi góp phần thúc đẩy đời sống kinh tế của người dân tại khu vực nơi đơn vị hoạt động.

Chúng tôi thường xuyên tổ chức hoặc tham gia các chương trình thiện nguyện, chia sẻ khó khăn với các hộ dân có hoàn cảnh đặc biệt, cũng như hỗ trợ người dân trong các tình huống thiên tai, dịch bệnh.

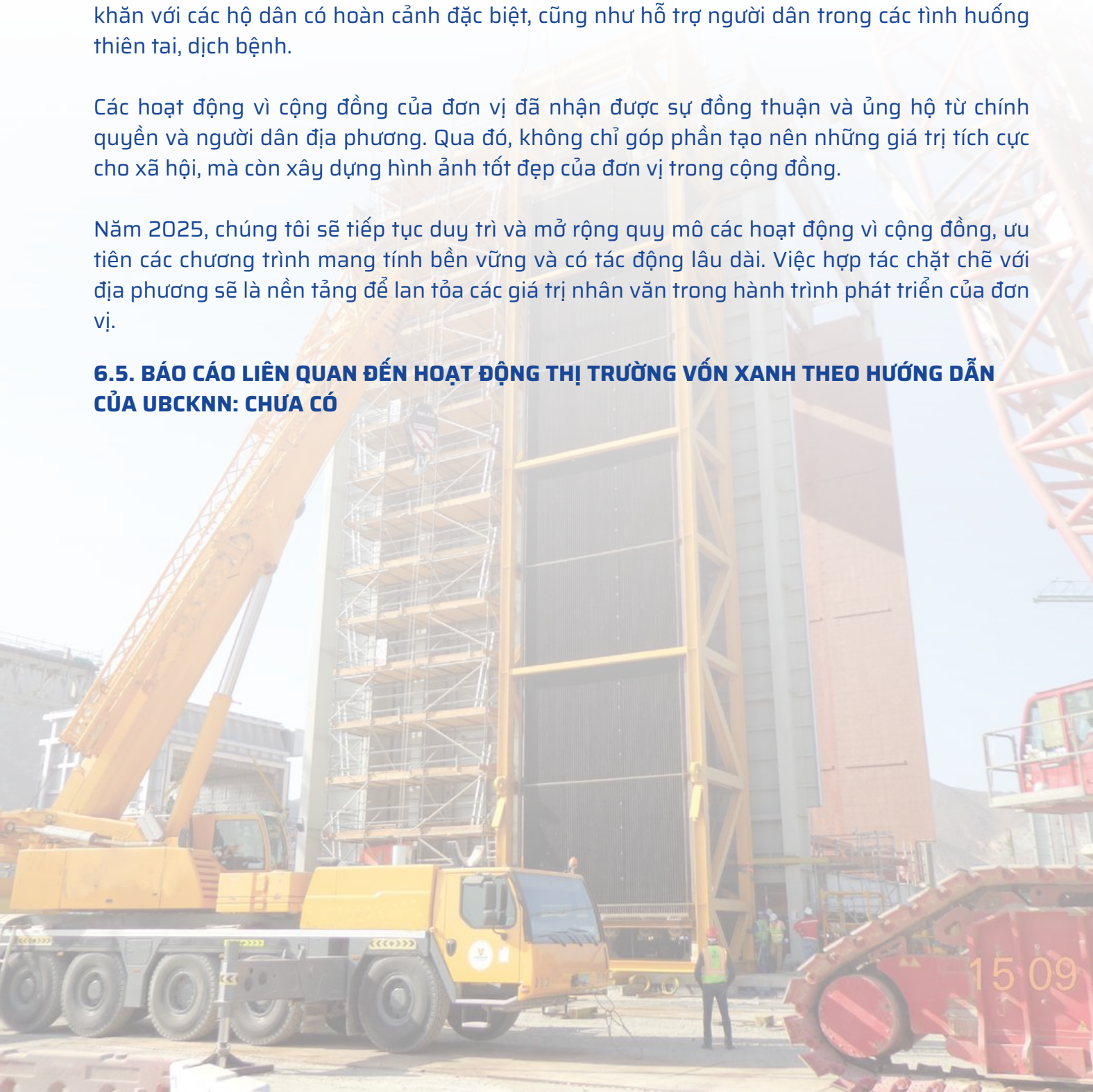
Các hoạt động vì cộng đồng của đơn vị đã nhận được sự đồng thuận và ủng hộ từ chính quyền và người dân địa phương. Qua đó, không chỉ góp phần tạo nên những giá trị tích cực cho xã hội, mà còn xây dựng hình ảnh tốt đẹp của đơn vị trong cộng đồng.

Năm 2025, chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng quy mô các hoạt động vì cộng đồng, ưu tiên các chương trình mang tính bền vững và có tác động lâu dài. Việc hợp tác chặt chẽ với địa phương sẽ là nền tảng để lan tỏa các giá trị nhân văn trong hành trình phát triển của đơn vị.

## 6.5. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN: CHƯA CÓ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JSC

# III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

TÌNH HÌNH TĂNG VỐN CHỦ SỞ HỮU: KHÔNG

ĐẦU TƯ NHÀ XƯỞNG, TRANG THIẾT BỊ

- Trong năm 2025, tổng mức đầu tư của Công ty là 181,45 tỷ đồng, trong đó:
- Đầu tư mua sắm tài sản cố định (bao gồm cả tài sản thuê tài chính): 102,75 tỷ đồng.
  - Đầu tư xây dựng cơ bản: 78,7 đồng.

THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ KINH DOANH TẠI MYANMAR

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH AMECC - MYANMAR SHIPYARD

Tại thời điểm 31/12/2025, số vốn thực tế đã góp là 6.809.900 USD (trên tổng số vốn cam kết góp là 26.310.000 USD) tương đương 155.423.944.405 VND. Hiện nay, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Vấn đề này cho thấy khả năng tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Liên doanh. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị của Công ty Liên doanh đánh giá rằng tình hình chính trị ở Myanmar sẽ sớm ổn định và Công ty Liên doanh sẽ sớm tiếp tục hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh như kế hoạch đã đề ra hoặc sẽ có phương án tái cơ cấu mô hình sở hữu-hoạt động trong năm 2026.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY TNHH AMECC MYANMAR

Đối với công ty TNHH AMECC Myanmar, do dịch bệnh và bất ổn chính trị nên đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ cuối năm 2021 đến hết nay và tại thời điểm 31/12/2025, công ty TNHH AMECC Myanmar vẫn đang tạm dừng hoạt động.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

NGUỒN: BCTC HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2025

CHI TIÊU	NĂM 2025		NĂM 2024		TĂNG (+) /GIẢM (-) (%)
	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ TRỌNG	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.732.688.762.275	69,87%	2.201.071.578.976	67,14%	+24,15%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.178.567.546.283	30,13%	1.077.403.949.989	32,86%	+9,39%
TỔNG TÀI SẢN	3.911.256.308.558	100%	3.278.475.528.965	100%	

Năm 2025, cơ cấu tài sản của Công ty có sự điều chỉnh theo hướng gia tăng quy mô và tiếp tục duy trì nền tảng ổn định. Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 69,87% tổng tài sản, tăng so với mức 67,14% năm 2024, trong khi tài sản dài hạn chiếm 30,13%, tương ứng giảm nhẹ về tỷ trọng.

Sự gia tăng của tài sản ngắn hạn chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo tiến độ các dự án, trong khi tài sản dài hạn vẫn tiếp tục được duy trì và bổ sung ở mức hợp lý để hỗ trợ năng lực sản xuất. Tổng tài sản năm 2025 đạt 3.911 tỷ đồng, tăng 24,15% so với năm trước, phản ánh quy mô hoạt động của Công ty được mở rộng. Việc gia tăng tài sản ngắn hạn không chỉ hỗ trợ khả năng thanh toán và tính linh hoạt tài chính trong ngắn hạn, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để Công ty chủ động trong việc triển khai các hợp đồng, dự án mới.

Đồng thời, cơ cấu tài sản được điều chỉnh theo hướng phù hợp với đặc thù hoạt động, trong đó ưu tiên nguồn lực cho các hoạt động tạo doanh thu trực tiếp, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục củng cố năng lực cạnh tranh, duy trì đà tăng trưởng và hướng tới phát triển ổn định, bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

B. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

NGUỒN: BCTC HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2025

CHI TIÊU	NĂM 2025		NĂM 2024		TĂNG (+) /GIẢM (-) (%)
	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ TRỌNG	
A. NỢ NH	2.564.153.418.791	84,10%	2.168.469.650.031	87,82%	+18,25%
B. NỢ DH	484.858.010.396	15,90%	300.663.310.430	12,18%	+61,26%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	3.049.011.429.187	100%	2.469.132.960.461	100%	

Năm 2025, tổng nợ phải trả của Công ty tiếp tục gia tăng so với năm 2024, phản ánh nhu cầu huy động nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các dự án. Trong đó, nợ ngắn hạn đạt 2.564.153 triệu đồng, tăng 18,25% so với năm trước và chiếm tỷ trọng chủ yếu 84,10% trong tổng nợ. Mức tăng này phù hợp với xu hướng gia tăng tài sản ngắn hạn, cho thấy Công ty chủ động sử dụng các nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ vốn lưu động và đảm bảo tiến độ thực hiện các hợp đồng.

Bên cạnh đó, nợ dài hạn đạt 484.858 triệu đồng, tăng 61,26% so với năm 2024, làm cho tỷ trọng nợ dài hạn trong tổng nợ tăng từ 12,18% lên 15,90%. Việc gia tăng nợ dài hạn thể hiện rằng Công ty đã từng bước bổ sung nguồn vốn trung và dài hạn nhằm hỗ trợ các nhu cầu đầu tư, đồng thời góp phần cải thiện cơ cấu nguồn vốn theo hướng cân đối hơn giữa ngắn hạn và dài hạn.



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Năm 2025 ghi nhận bước chuyển đổi mạnh mẽ trong công tác quản trị điều hành tại AMECC, với định hướng xuyên suốt là tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả và xây dựng nền tảng quản trị hiện đại. Nổi bật trong năm là việc Công ty tham gia chương trình đồng hành triển khai công nghệ Quản trị Tinh gọn (QTTG) dưới sự tư vấn của PGS, TS. Nguyễn Đăng Minh. Thông qua chương trình này, AMECC đã tiến hành rà soát toàn diện hoạt động sản xuất – kinh doanh, từng bước nhận diện và loại bỏ các yếu tố lãng phí, đồng thời chuẩn hóa quy trình theo hướng tinh giản, dễ kiểm soát và có thể đo lường. Việc áp dụng hệ tiêu chí “An – Chất – Nhuận – Tốc – Hợp” đã trở thành chuẩn mực xuyên suốt trong đánh giá hiệu quả công việc, góp phần định hình tư duy quản trị mới dựa trên hiệu quả thực chất và kết quả đầu ra.

Một cải tiến quan trọng khác trong năm là việc tái cấu trúc toàn diện cơ cấu tổ chức. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thiện việc phân công, phân quyền cho các Phó Tổng Giám đốc theo từng lĩnh vực trọng yếu, đảm bảo rõ trách nhiệm, không chồng chéo và tăng tính chủ động trong điều hành. Cùng với đó, cơ chế phối hợp giữa các Ban, đơn vị được chuẩn hóa theo nguyên tắc một đầu mối chịu trách nhiệm chính, qua đó nâng cao tính đồng bộ và giảm thiểu xung đột chức năng. Việc tái cấu trúc này đã giúp rút ngắn thời gian ra quyết định, nâng cao hiệu quả xử lý công việc và tăng khả năng đáp ứng các yêu cầu sản xuất – kinh doanh trong bối cảnh áp lực tiến độ ngày càng cao.

Bên cạnh cải tiến về tổ chức, AMECC đã tạo dấu ấn rõ nét trong năm thông qua việc đẩy mạnh đầu tư hệ thống quản trị số hóa, từng bước hình thành nền tảng điều hành dựa trên công nghệ. Công ty đã triển khai phần mềm Base Face 2 tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm quản lý giao việc, theo dõi tiến độ và đánh giá hiệu quả công việc theo thời gian thực, qua đó nâng cao tính minh bạch và kỷ luật trong thực thi. Đồng thời, hệ thống phần mềm Bravo được áp dụng để quản trị kế toán – tài chính và quản lý kho, giúp kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, vật tư và tài sản, đồng thời chuẩn hóa dữ liệu quản trị trong toàn Công ty. Ngoài ra, Công ty sử dụng thêm phần mềm Fact Base cho phép lưu trữ tập trung khối lượng lớn bản vẽ, thông số và hướng dẫn kỹ thuật trên nền tảng đám mây. Hệ thống này không chỉ đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu mà còn giúp các đơn vị sản xuất, kỹ thuật và quản lý dự án truy xuất thông tin nhanh chóng, chính xác và đồng bộ, qua đó nâng cao đáng kể hiệu quả phối hợp và giảm thiểu sai sót trong quá trình thực hiện. Song song với đó, Công ty đã ký kết hợp đồng với FPT5 để rà soát tổng thể hệ thống quản trị, nhằm đánh giá lại mức độ phù hợp với các chuẩn mực hiện đại, nhận diện các điểm nghẽn và xây dựng lộ trình cải tiến mang tính chiến lược.

Cùng với các cải tiến nêu trên, Công ty đã đạt được bước tiến đáng kể trong việc hoàn thiện chính sách khuyến khích và tạo động lực cho Khối Sản xuất. Cơ chế khen thưởng được thiết kế gắn trực tiếp với kết quả thực hiện công việc, dựa trên các tiêu chí cốt lõi gồm an toàn, chất lượng, tiến độ, tinh thần phối hợp và kiểm soát lãng phí. Chính sách này đã tạo ra sự chuyển biến tích cực tại hiện trường, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường tính kỷ luật và thúc đẩy tinh thần thi đua giữa các tổ đội. Trên nền tảng đó, AMECC định hướng trong năm 2026 sẽ tiếp tục mở rộng và hoàn thiện khung chính sách khen thưởng đối với Khối điều hành và các đơn vị gián tiếp, nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong toàn hệ thống. Tổng thể, các cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý trong năm không chỉ nâng cao năng lực điều hành của Ban Tổng Giám đốc mà còn tạo lập nền tảng quản trị hiện đại, minh bạch và hiệu quả. Những kết quả này là tiền đề quan trọng để AMECC tiếp tục kiểm soát chi phí, gia tăng năng suất và củng cố năng lực cạnh tranh trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

4. Phương hướng phát triển trong tương lai

Trên cơ sở kết quả đạt được trong năm 2025, AMECC định hướng kế hoạch SXKD năm 2026 như sau:

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
	DOANH THU, TRONG ĐÓ:	TỶ ĐỒNG	4.100
1	DOANH THU GIA CÔNG CHẾ TẠO	TỶ ĐỒNG	2.550
2	DOANH THU THƯƠNG MẠI	TỶ ĐỒNG	1.550

Kế hoạch doanh thu gia công chế tạo 2.550 tỷ đồng đề cập ở trên là dựa trên cơ sở các hợp đồng đã ký trong năm 2025 nhưng mới thực hiện một phần hoặc chưa thực hiện chuyển sang 2026 cũng như một số hợp đồng tiềm năng, đang đàm phán trong những tháng đầu năm 2026.

Theo đó, lợi nhuận trước thuế dự kiến năm 2026 sẽ 152 tỷ đồng do việc cắt giảm tối ưu hóa chi phí vận hành - sản xuất và gia tăng sản lượng, nâng cao năng suất lao động.

ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU NÓI TRÊN, DOANH NGHIỆP TIẾP TỤC TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP NHƯ SAU:

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, TĂNG DOANH THU.

- Chuẩn bị tốt và tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh từ những khách hàng truyền thống hiện có. Duy trì và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng các hợp đồng đã ký.
- Mạnh dạn mở rộng dải sản phẩm gia công chế tạo, để gia tăng lượng khách hàng đến với AMECC qua đó lựa chọn được thêm các sản phẩm/khách hàng tốt tạo doanh thu ổn định lâu dài, như các hợp đồng module, skid thiết bị, ....
- Tiếp cận các dự án năng lượng sạch, hạ tầng mà ... AMECC có lợi thế.

SỬ DỤNG ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH, TIẾT KIỆM CHI PHÍ ĐỂ TĂNG LỢI NHUẬN

- Quản trị tốt hàng tồn kho, theo sát diễn biến giá nguyên liệu, có chính sách điều tiết hợp lý.
- Cập nhật biến động tình hình kinh tế thế giới và trong nước, đặc biệt xu hướng tỷ giá, lãi suất để có chính sách điều hành ngưỡng vay nợ an toàn, giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá, dòng tiền hiệu quả.
- Định mức hóa các công đoạn sản xuất gắn với từng loại sản phẩm, đánh giá việc hoàn thành công việc gắn với việc tuân thủ định mức chi phí.
- Mục tiêu trong năm 2026, AMECC tiếp tục mở rộng hệ thống đối tác kinh doanh dài hạn, đàm phán các cơ chế hài hòa lợi ích các bên nhằm tối ưu hóa chi phí so với năm 2025.
- Chuyên sâu các giải pháp tài chính, khai thác linh hoạt các công cụ và dịch vụ tài chính đang có trên thị trường, nhằm mục tiêu giảm thiểu và tối ưu hóa chi phí vốn, hướng tới giảm chi phí lãi vay bình quân năm 2026.



**VĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC.**

Nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2026, AMECC dự kiến đầu tư chuyên sâu vào hệ thống nhân sự toàn công ty bao gồm:

- Áp dụng công nghệ quản trị tinh gọn MIV vào mọi hoạt động của doanh nghiệp; Xây dựng con người AMECC có tâm thế tốt để gia tăng giá trị cho mình, cho gia đình, cho Công ty, cho khách hàng và cho xã hội.
- Từng bước vận hành phần mềm ERP vào quản trị sản xuất.
- Chuẩn bị nguồn lực lao động chất lượng cao có đủ trình độ để tham gia các dự án trong nước và nước ngoài thông qua việc tuyển dụng lao động trình độ cao và đào tạo nội bộ;
- Nâng cấp hệ thống ISO để chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ công tác quản lý đồng thời kiện toàn hệ thống đánh giá KPI của doanh nghiệp.

**TRANG BỊ THÊM MÁY MÓC THIẾT BỊ VÀ TĂNG CƯỜNG ÁP DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ.**

- Nghiên cứu phát triển theo chiều sâu mỗi lĩnh vực hoạt động để phát huy nguồn lực và kinh nghiệm.
- Đầu tư trang thiết bị máy móc công nghệ hiện đại, tăng công suất và năng suất các công đoạn trong dây chuyền sản xuất.
- Đầu tư phát triển và tự chủ nhiều sản phẩm, bán thành phẩm cơ khí chính xác, mà trước đây AMECC phải thuê gia công ngoài hoặc phải mua sắm.
- Đầu tư phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu để nghiên cứu các giải pháp công nghệ, biện pháp thi công tối ưu, nhằm tăng năng suất lao động và giảm chi phí cũng như thời gian.

Công ty cũng thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính và các chất thải khác, đảm bảo việc xử lý chất thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh. Ngoài ra, hệ thống giám sát và đánh giá tác động môi trường được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống và hoạt động sản xuất bền vững.

**5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính: “Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh AMECC – Myanmar Shipyards (“Công ty Liên doanh”) tại nước Cộng hòa Liên bang Myanmar (“Myanmar”) với giá gốc đầu tư là 155.423.944.405 VND. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh này. Chúng tôi không được cung cấp các thông tin đầy đủ và phù hợp làm cơ sở cho việc không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư trên.

Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG NÀY, CHÚNG TÔI CÓ GIẢI TRÌNH NHƯ SAU:**

Tại ngày 31/12/2025, chúng tôi đang theo dõi trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác khoản đầu tư Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard với số vốn thực tế đã góp là 6.809.900 USD (trên tổng cam kết góp là 26.310.000 USD) tương đương 155.423.944.405 VND, đạt tỷ lệ vốn phải góp là 15%. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Do không thu thập được đầy đủ tài liệu theo yêu cầu và không thực hiện được thủ tục kiểm toán để xác minh giá trị hiện tại của món đầu tư này,nên đơn vị kiểm toán đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trong BCTC năm 2025.

**6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

**A. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**

Công ty luôn nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên, từ đó đã chủ động triển khai nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong thời gian qua, công ty đã kiểm soát hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài nguyên như nước, năng lượng, đồng thời nâng cao hiệu suất sử dụng để tiết kiệm và tối ưu.

Công ty cũng thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính và các chất thải khác, đảm bảo việc xử lý chất thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh. Ngoài ra, hệ thống giám sát và đánh giá tác động môi trường được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống và hoạt động sản xuất bền vững.

**B. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG**

Người lao động luôn được coi là yếu tố then chốt trong sự phát triển bền vững của công ty. Công ty đã xây dựng chính sách lao động công bằng, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động. Môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và thân thiện luôn được ưu tiên hàng đầu.

Bên cạnh đó, công ty chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người lao động. Các chế độ phúc lợi, đãi ngộ được thực hiện đầy đủ, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo điều kiện để người lao động yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài với công ty.

**C. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

Công ty luôn coi trọng mối quan hệ gắn bó với cộng đồng địa phương, xem đây là nền tảng để phát triển bền vững. Trong thời gian qua, công ty đã tích cực tham gia nhiều hoạt động cộng đồng như hỗ trợ giáo dục, y tế, phòng chống thiên tai, cũng như các chương trình an sinh xã hội khác.

Thông qua các hoạt động trách nhiệm xã hội, công ty không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương mà còn xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thân thiện, có trách nhiệm. Đồng thời, công ty cũng cam kết không gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống văn hóa, môi trường sống và sinh kế của cộng đồng xung quanh khu vực hoạt động.



IV. BÁO CÁO CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu năm 2025 đã thể hiện rõ định hướng phát triển của Công ty theo chiều sâu, từng bước giảm phụ thuộc vào hoạt động thương mại và gia tăng tỷ trọng gia công chế tạo. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường năng lực cạnh tranh và hướng tới phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức, Hội đồng Quản trị ghi nhận những nỗ lực và kết quả mà Ban Tổng Giám đốc Công ty và Ban Giám đốc các Công ty thành viên đã làm được trong năm vừa qua. Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với tình hình diễn biến phức tạp của thị trường và vẫn đảm bảo thực hiện chủ trương định hướng của Hội đồng Quản trị. Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, các Quy chế, Quy định quản trị nội bộ và pháp luật hiện hành.

2.1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2025

Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết cũng như kinh nghiệm điều hành hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2025, HĐQT đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật, Điều lệ công ty, phương hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của Công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc phối hợp cùng HĐQT đã có các giải pháp, biện pháp chủ động ứng biến và thích nghi với tình hình thực tế.



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể, HĐQT Công ty đã chỉ đạo quyết liệt Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên. Nhờ đó, năm 2025, Công ty đã vượt qua các khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường, hoàn thành tốt nhiều chỉ tiêu về kế hoạch doanh thu, tiếp tục khẳng định uy tín của AMECC và là tiền đề cho sự ổn định và phát triển cho năm 2026.

Dưới đây là một số các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được năm 2025 của công ty:

ĐƠN VỊ TÍNH: TỶ ĐỒNG

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025	SO SÁNH (TH/KH)
	DOANH THU, TRONG ĐÓ:	3.800	3.515	92,5%
1	DOANH THU GIA CÔNG CHẾ TẠO	1.800	1.839	102,17%
2	DOANH THU THƯƠNG MẠI	2.000	1.676	83,80%

NGUỒN: BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG 2025 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm 2025, tổng doanh thu của Công ty đạt 3.515 tỷ đồng, tương đương 92,5% kế hoạch. Kết quả này phản ánh sự chủ động trong điều hành và điều chỉnh cơ cấu hoạt động phù hợp với định hướng phát triển đã đề ra.

Trong đó, doanh thu gia công chế tạo đạt 1.839 tỷ đồng, vượt 2,17% kế hoạch, tiếp tục khẳng định vai trò là lĩnh vực trọng tâm. Việc duy trì tốc độ tăng trưởng và vượt kế hoạch ở mảng này cho thấy Công ty đang tập trung hiệu quả vào hoạt động cốt lõi, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và củng cố năng lực sản xuất.

Đối với hoạt động thương mại, doanh thu đạt 1.676 tỷ đồng, tương đương 83,80% kế hoạch. Kết quả này phù hợp với định hướng chủ động điều chỉnh giảm dần tỷ trọng hoạt động thương mại, qua đó tập trung nguồn lực cho lĩnh vực gia công chế tạo. Sự chuyển dịch này góp phần tái cấu trúc cơ cấu doanh thu theo hướng hợp lý hơn, ưu tiên các hoạt động có tính ổn định và hiệu quả lâu dài.



2.1. KẾT LUẬN

Như vậy, Ban Tổng giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và định hướng phát triển của Doanh nghiệp, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, Doanh nghiệp và Người lao động Công ty.

3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

3.1. ĐỊNH HƯỚNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa, quản lý chuyên nghiệp, từng bước mở rộng quy mô trong nước và quốc tế.
- Kiểm soát chặt chẽ quản lý chất lượng và tiến độ sản xuất, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước các biến động kinh tế.
- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra cho năm 2025.
- Tiếp tục cùng Ban Tổng Giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng quy mô công ty, kinh doanh phát triển bền vững;
- Đối với công tác phát triển nguồn nhân lực: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

3.2. CHI TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026 CỦA CÔNG TY CP CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH 2026
1	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	TỶ ĐỒNG	4.500
2	GIÁ TRỊ DOANH THU	TỶ ĐỒNG	4.100
3	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	TỶ ĐỒNG	155
4	TỔNG SỐ LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN	NGƯỜI	1.750
5	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	TỶ ĐỒNG	100 - 120
6	CHI TRẢ CỔ TỨC (%VĐL)	%	5 - 10

3.3. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN

- Phát triển và mở rộng thị trường, tăng doanh thu.
- Gia tăng doanh thu sản xuất gia công chế tạo và tối ưu hóa chi phí để tăng lợi nhuận.
- Nâng cao năng lực tổng thể cho nhân sự; thiết kế chính sách nhân sự để duy trì, phát triển, tuyển dụng và đào tạo nhân sự chất lượng cao.
- Đa dạng hóa, cơ cấu lại nguồn vốn huy động để tối ưu chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC  
AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JSC

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY





1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, hoạt động của Hội đồng Quản trị đã diễn ra hiệu quả, đảm bảo việc quản lý và định hướng chiến lược của doanh nghiệp. Các quyết sách được đưa ra kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, giúp nâng cao hiệu quả công việc và đạt được các mục tiêu quan trọng. Sự lãnh đạo của HĐQT đã góp phần quan trọng vào sự phát triển ổn định và bền vững của doanh nghiệp.

HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (02/06/2025) và 12 cuộc họp HĐQT.

1.1. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU (CP PHỔ THÔNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	ÔNG NGUYỄN VĂN NGHĨA	CHỦ TỊCH HĐQT	10.392.000	17,32
2	ÔNG NGUYỄN VĂN THỌ	TV HĐQT TỔNG GIÁM ĐỐC	11.454.614	19,09
3	ÔNG NGUYỄN ĐĂNG MINH	TV HĐQT	0	0
4	ÔNG KIMIYASU MATSUO	TV HĐQT	0	0
5	ÔNG NGUYỄN SƠN	TV HĐQT	0	0
6	ÔNG ĐINH NGỌC THẮNG	TV HĐQT	560.000	0,93
7	ÔNG KAZUYUKI SUZUKI	TV HĐQT	0	0
8	ÔNG KIKUGAWA TETSUYA (ĐÃ MIỄN NHIỆM)	TV HĐQT	0	0
9	ÔNG LÊ MINH TUẤN (ĐÃ MIỄN NHIỆM)	TV HĐQT	143.620	0,24

1.2. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ
1	ÔNG NGUYỄN VĂN NGHĨA	CHỦ TỊCH HĐQT	12/12
2	ÔNG NGUYỄN VĂN THỌ	TV HĐQT TỔNG GIÁM ĐỐC	12/12
3	ÔNG LÊ MINH TUẤN	TV HĐQT	04/04
4	ÔNG KIKUGAWA TETSUYA	TV HĐQT	04/04
5	ÔNG ĐINH NGỌC THẮNG	TV HĐQT	12/12
6	ÔNG KIMIYASU MATSUO	TV HĐQT	12/12
7	ÔNG NGUYỄN SƠN	TV HĐQT	12/12
8	ÔNG NGUYỄN ĐĂNG MINH	TV HĐQT	08/08
9	ÔNG KAZUYUKI SUZUKI	TV HĐQT	08/08

1.3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

Hội đồng Quản trị đã triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chuẩn bị dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Dựa trên Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các quyết định đã được thông qua. Đồng thời, HĐQT theo dõi sát tình hình kinh tế, biến động giá cả thị trường và tổ chức các cuộc họp để chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, kế hoạch cho năm tiếp theo và kế hoạch tăng vốn điều lệ. Hoạt động quản trị công ty được thực hiện theo đúng Quy chế Quản trị, Điều lệ Công ty và các Quy chế của HĐQT, đồng thời giám sát và kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT. Các Nghị quyết đều được giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai và báo cáo lại cho HĐQT. Các quyết định khác của HĐQT cũng được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện.



1.4. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/2025/NQ-HĐQT-AMECC	19/03/2025	GIA HẠN THỜI GIAN TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 VÀ CÔNG BỐ NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG, CỤ THỂ NHƯ SAU: 1.NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG (NGÀY CHỐT DANH SÁCH CỔ ĐÔNG MỜI DỰ HỌP): 28/04/2025 THỜI GIAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI (DỰ KIẾN) TRƯỚC NGÀY: 30/06/2025	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT-AMECC	28/04/2025	BỔ NHIỆM LẠI NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT-AMECC	28/04/2025	MIỄN NHIỆM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TRƯƠNG BÁ MINH	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT-AMECC	22/05/2025	THÔNG QUA DANH SÁCH ỨNG VIÊN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (NHIỆM KỲ 2022 - 2027)	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT-AMECC	01/08/2025	NGHỊ QUYẾT HĐQT VỀ VIỆC THÔNG QUA LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP KIỂM TOÁN BCTC 2025: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC	100%
6	06/2025/NQ-HĐQT-AMECC	28/10/2025	NGHỊ QUYẾT HĐQT VỀ VIỆC THÔNG QUA THÔNG QUA HỢP ĐỒNG VỚI BÊN LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY: CÔNG TY TNHH GKM VIỆT NAM	100%
7	07/2025/NQ-HĐQT-AMECC	14/11/2025	NGHỊ QUYẾT HĐQT VỀ VIỆC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH MUA THÊM CỔ PHẦN TẠI CÔNG TY CP AMECC GT	100%
8	08/2025/NQ-HĐQT-AMECC	19/11/2025	NGHỊ QUYẾT HĐQT VỀ VIỆC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP CHI NHÁNH AMECC - TRUNG TÂM PHA CẮT	100%
9	09/2025/NQ-HĐQT-AMECC	19/11/2025	NGHỊ QUYẾT HĐQT VỀ VIỆC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP CHI NHÁNH AMECC - TRUNG TÂM GIA CÔNG CƠ KHÍ CHÍNH XÁC	100%
10	10/2025/NQ-HĐQT-AMECC	19/11/2025	NGHỊ QUYẾT HĐQT VỀ VIỆC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP CHI NHÁNH AMECC - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ HÀN	100%
11	11/2025/NQ-HĐQT-AMECC	19/11/2025	NGHỊ QUYẾT HĐQT VỀ VIỆC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP CHI NHÁNH AMECC - THI CÔNG CÁCH NHIỆT VÀ CHỊU NHIỆT AMECC	100%
12	12/2025/NQ-HĐQT-AMECC	24/11/2025	QUYẾT ĐỊNH MIỄN NHIỆM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - ÔNG LÊ MINH TUẤN	100%

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. THÀNH VIÊN BKS

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU (CP PHỔ THÔNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	BÀ PHẠM MINH HIẾU	TRƯỞNG BKS	0	0
2	BÀ ĐẶNG THỊ NGỌC MINH	TV BKS	0	0
3	ÔNG MATANORI KOJIMA	TV BKS	0	0

2.2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2025

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. So với năm 2024, hoạt động giám sát được triển khai có trọng tâm hơn, tập trung vào kiểm soát rủi ro pháp lý, kiểm soát chi phí và kiểm soát báo cáo tài chính.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT

Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành, ban hành các nghị quyết kịp thời phục vụ triển khai kế hoạch sản xuất - kinh doanh.

Các cuộc họp được tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động. So với năm 2024, công tác điều hành của Hội đồng quản trị có sự tập trung hơn vào kiểm soát hiệu quả, đặc biệt trong việc phân cấp, ủy quyền và giám sát thực hiện.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Ban Giám đốc và các bộ máy quản lý hoạt động điều hành trong năm 2025 được thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền và tuân thủ quy định. Ban điều hành đã chủ động triển khai các giải pháp quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh và tăng cường kiểm soát nội bộ. So với năm 2024, việc điều hành có sự chuyển biến theo hướng rõ trách nhiệm, tăng tính kiểm soát và gắn với hiệu quả thực hiện.

VỀ NỘI DUNG KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu gồm:

- Kiểm soát rủi ro pháp lý trong hoạt động hợp đồng, phân cấp - ủy quyền và ban hành quy định nội bộ;
- Kiểm soát chi phí sản xuất và chi phí vận hành, đặc biệt các khoản phát sinh ngoài kế hoạch;
- Kiểm soát việc lập và trình bày báo cáo tài chính, đảm bảo tính trung thực, hợp lý của số liệu.

Qua giám sát, các hoạt động cơ bản được thực hiện đúng quy định; không ghi nhận sai lệch trọng yếu trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Ban Kiểm soát kiến nghị tiếp tục hoàn thiện kiểm soát chi phí giữa các đơn vị và tăng cường chuẩn hóa quy trình kiểm soát nội bộ.







# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)





## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 51
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 51



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần LISESCO 2, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30 tháng 03 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 35 quốc lộ 10, xã An Quang, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	
Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên	
Ông Kimiyasu Matsuo	Thành viên	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	
Ông Kazuyuki Suzuki	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)
Ông Nguyễn Đăng Minh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)
Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2025)
Ông Trương Bá Minh	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2025)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Minh Hiếu	Trưởng ban	
Ông Matanori Kojima	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)
Bà Đặng Thị Ngọc Minh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)
Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)
Ông Vũ Đình Thông	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Văn Thọ - Tổng Giám đốc.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC.



**Nguyễn Văn Thọ**

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards ("Công ty Liên doanh") tại nước Cộng hòa Liên bang Myanmar ("Myanmar") với giá gốc khoản đầu tư là 155.423.944.405 VND. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh này. Chúng tôi không được cung cấp các thông tin đầy đủ và phù hợp làm cơ sở cho việc không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 hay không.



## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Hoàng Thị Thu Hương**

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0899-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**Lê Văn Hưng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 3953-2023-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.732.688.762.275</b>	<b>2.201.071.578.976</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>430.907.716.918</b>	<b>186.363.602.406</b>
111	1. Tiền		421.244.379.702	141.715.019.470
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.663.337.216	44.648.582.936
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>137.639.196.096</b>	<b>81.228.997.074</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		137.639.196.096	81.228.997.074
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>966.457.557.483</b>	<b>906.154.400.070</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	744.954.949.656	681.032.694.869
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	91.399.756.234	75.697.317.530
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	148.895.550.000	140.158.176.954
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	-	15.998.360.072
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	9	57.648.856.267	70.814.884.946
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(76.441.554.674)	(77.547.034.301)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>1.130.088.488.622</b>	<b>993.398.831.319</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.130.088.488.622	993.398.831.319
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>67.595.803.156</b>	<b>33.925.748.107</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	9.651.262.776	15.255.734.778
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		57.944.540.380	18.669.085.886
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	-	927.443
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.178.567.546.283</b>	<b>1.077.403.949.989</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>25.068.924.036</b>	<b>22.883.917.137</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	25.068.924.036	22.883.917.137
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>792.222.519.921</b>	<b>617.610.009.654</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	384.835.882.829	239.781.885.761
222	- Nguyên giá		689.031.434.186	508.319.638.331
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(304.195.551.357)	(268.537.752.570)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	374.560.073.171	345.503.411.257
225	- Nguyên giá		503.174.326.759	438.244.069.750
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(128.614.253.588)	(92.740.658.493)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	32.826.563.921	32.324.712.636
228	- Nguyên giá		51.660.915.419	49.510.893.197
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.834.351.498)	(17.186.180.561)



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>84.385.862.550</b>	<b>168.841.566.486</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	84.385.862.550	168.841.566.486
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>249.970.728.222</b>	<b>241.801.684.065</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		80.052.783.817	78.267.739.660
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		169.117.944.405	162.543.944.405
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		800.000.000	990.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>26.919.511.554</b>	<b>26.266.772.647</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	15.846.396.139	2.872.263.492
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35	11.073.115.415	23.394.509.155
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.911.256.308.558</b>	<b>3.278.475.528.965</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.049.011.429.187</b>	<b>2.469.132.960.461</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.564.153.418.791</b>	<b>2.168.469.650.031</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	303.436.187.109	406.198.627.618
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	887.520.638.894	421.021.952.032
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	45.621.965.244	48.923.839.335
314	4. Phải trả người lao động		25.164.321.724	26.910.734.964
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	79.085.302.517	37.637.370.640
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	35.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	19.961.325.927	32.694.758.974
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	1.203.357.647.376	1.195.026.106.468
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.030.000	21.260.000
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>484.858.010.396</b>	<b>300.663.310.430</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	78.858.968.505	100.858.968.505
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	405.999.041.891	199.804.341.925
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>862.244.879.371</b>	<b>809.342.568.504</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	23	<b>862.244.879.371</b>	<b>809.342.568.504</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.000.000.000	600.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3.255.000.000)	(3.255.000.000)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24	2.146.643.513	1.770.328.776
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		191.841.738.018	154.611.356.684
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		71.511.497.840	56.215.883.044
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		16.612.758.091	1.175.040.864
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		54.898.739.749	55.040.842.180
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.911.256.308.558</b>	<b>3.278.475.528.965</b>



Vũ Thị Phương Hào

Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Hữu Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	3.515.209.827.697	3.431.984.881.188
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.515.209.827.697	3.431.984.881.188
11	4. Giá vốn hàng bán	27	3.228.042.819.626	3.114.842.046.659
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		287.167.008.071	317.142.834.529
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	23.994.352.810	22.629.476.708
22	7. Chi phí tài chính	29	94.651.770.128	118.575.070.342
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		88.739.619.394	106.087.685.037
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.785.044.157	(189.539.154)
25	9. Chi phí bán hàng	30	23.312.713.118	43.552.740.309
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	78.745.255.975	84.106.630.428
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		116.236.665.817	93.348.331.004
31	12. Thu nhập khác	32	12.885.602.964	7.321.605.765
32	13. Chi phí khác	33	43.243.428.381	36.491.275.008
40	14. Lợi nhuận khác		(30.357.825.417)	(29.169.669.243)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		85.878.840.400	64.178.661.761
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	18.658.706.911	18.204.229.003
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	12.321.393.740	(9.066.409.422)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		54.898.739.749	55.040.842.180
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		54.898.739.749	55.040.842.180
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	915	917



Vũ Thị Phương Hảo

Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Hữu Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		85.878.840.400	64.178.661.761
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		76.162.042.481	70.475.712.903
03	- Các khoản dự phòng		(1.105.479.627)	(4.600.108.250)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.060.153.905)	576.056.120
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.810.932.425)	(10.016.348.037)
06	- Chi phí lãi vay		88.739.619.394	106.087.685.037
07	- Các khoản điều chỉnh khác		1.648.444.187	(7.889.265.258)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		242.452.380.505	218.812.394.276
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(112.947.506.343)	232.944.720.411
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(136.689.657.303)	(64.808.983.744)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		354.721.221.330	(63.858.525.239)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(7.369.660.645)	(14.647.596.249)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(88.739.619.394)	(106.087.685.037)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.233.995.499)	(19.572.366.970)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.230.000)	(2.927.188)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		236.177.932.651	182.779.030.260
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(179.836.597.599)	(159.465.214.778)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		15.571.902.068	16.895.912.278
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(101.920.967.553)	(36.459.722.656)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		61.699.128.603	4.430.797.817
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.574.000.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.631.276.760	4.803.025.628
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(206.429.257.721)	(169.795.201.711)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.866.232.845.852	2.629.322.753.211
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.575.313.525.740)	(2.603.239.298.834)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(75.637.942.625)	(55.783.262.900)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(18.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		215.281.377.487	(47.699.808.523)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		245.030.052.417	(34.715.979.974)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		186.363.602.406	219.535.818.730
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(485.937.905)	1.543.763.650
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	430.907.716.918	186.363.602.406



Vũ Thị Phương Hảo

Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Hữu Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần LISEMCO 2, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30 tháng 03 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 35 quốc lộ 10, xã An Quang, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 600.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 600.000.000.000 VND; tương đương 60.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 1.287 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 1.237 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Gia công chế tạo kết cấu thép và thiết bị;
- Xây dựng và lắp đặt các hạng mục dự án;
- Tổng thầu/Nhà thầu EPC các dự án dân dụng và công nghiệp.

#### Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Amecc Myanmar	Myanmar	100%	100%	Gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép, kinh doanh thương mại

Tại 31/12/2025, Công ty con - Công ty TNHH Amecc Myanmar đang tạm dừng hoạt động do các bất ổn chính trị tại Myanmar. Tuy nhiên, tài sản và nguồn vốn của Công ty con này không trọng yếu nên không ảnh hưởng đến báo cáo hợp nhất.



## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

### 2.4. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Dự phòng phải trả
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.



Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

## 2.5. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## 2.6. Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

## 2.7. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh" và "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết".

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.10. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.



Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.12. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được phân bổ dần và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 46 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 20 năm

## 2.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.14. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



## 2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí bảo lãnh vay vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (theo thời gian của khoản vay).
- Chi phí trả trước về sửa chữa lớn tài sản dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích.

## 2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.17. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## 2.20. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

## 2.21. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## 2.22. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## 2.23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được ghi vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn; chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.24. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**2.25. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.26. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.



Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**2.27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.28. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.29. Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.



### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	39.806.044.335	17.112.039.829
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	381.438.335.367	124.602.979.641
- Các khoản tương đương tiền	9.663.337.216	44.648.582.936
	<b>430.907.716.918</b>	<b>186.363.602.406</b>

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 9.663.337.216 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,8%/năm đến 4%/năm.

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền có giá trị 9.063.337.216 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn/dài hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại Thuyết minh 17)

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	137.639.196.096	-	81.228.997.074	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	137.639.196.096	-	81.228.997.074	-
Đầu tư dài hạn	800.000.000	-	990.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	190.000.000	-
- Trái phiếu (2)	800.000.000	-	800.000.000	-
	<b>138.439.196.096</b>	<b>-</b>	<b>82.218.997.074</b>	<b>-</b>

(1) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng có giá trị 137.639.196.096 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,7%/năm. Các khoản đầu tư này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng.

(2) Số dư trái phiếu nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025 là các trái phiếu mua theo các giấy chứng nhận với Ngân hàng TMCP Công thương, kỳ hạn 10 năm, lãi suất biên từ 1,2%/năm - 1,3%/năm; Mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu; Thời gian đáo hạn từ 27/09/2029 đến 01/11/2033.



#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### b) Đầu tư vào công ty liên kết

Địa chỉ	31/12/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
			VND			VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			<b>80.052.783.817</b>			<b>78.267.739.660</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	23,5%	23,5%	11.839.332.367	23,5%	23,5%	11.352.736.979
- Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu	20,4%	20,4%	68.213.451.450	20,4%	20,4%	66.915.002.681
			<b>80.052.783.817</b>			<b>78.267.739.660</b>



#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2025		01/01/2025	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
			VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Lisemco 3	(*)	(*)	100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Lisemco 5	(*)	(*)	100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Amecc GT (1)	11,53%	11,53%	13.494.000.000	-	6.920.000.000	-
- Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard (2)	15,00%	15,00%	155.423.944.405	-	155.423.944.405	-
			<b>169.117.944.405</b>	<b>-</b>	<b>162.543.944.405</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Trong năm Công ty mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Amecc GT với tổng giá trị 6.574.000.000 VND tương đương 657.400 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần theo Quyết định số 07/2025/NQ-HĐQT-AMECC ngày 14/11/2025.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard: Tại ngày 31/12/2025, số vốn thực tế đã góp là 6.809.900 USD (trên tổng số vốn cam kết góp là 26.310.000 USD) tương đương 155.423.944.405 VND (xem thêm thông tin tại Thuyết minh 39). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình chính trị bất ổn tại Myanmar. Vấn đề này cho thấy khả năng tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Liên doanh. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị của Công ty Liên doanh đánh giá rằng tình hình chính trị ở Myanmar sẽ sớm ổn định và Công ty Liên doanh sẽ sớm tiếp tục hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh như kế hoạch đã đề ra. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá và kết luận không cần trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh.

(\*) Tại ngày 31/12/2025, Công ty chưa thu thập đầy đủ thông tin về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trong Công ty nhận đầu tư của các khoản đầu tư này.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 42.



**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>35.668.928.751</b>	<b>-</b>	<b>54.203.585.099</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	30.025.804.990	-	54.000.378.947	-
- Công ty Cổ phần AMECC GT	5.643.123.761	-	203.206.152	-
<b>Bên khác</b>	<b>709.286.020.905</b>	<b>(76.441.554.674)</b>	<b>626.829.109.770</b>	<b>(77.547.034.301)</b>
- Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn	-	-	2.767.915.977	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật Công nghệ Xanh	62.810.268.701	-	33.145.669.311	-
- BHI Co., Ltd	131.556.188.050	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ T-Tech Việt Nam	35.600.335.920	-	14.350.684.524	-
- Liên danh MC - HDEC - CC1	75.717.048.254	-	103.333.959.222	-
- Joint Venture of Samsung Engineering CO.,LTD and CTCI Corporation (SCJV)	-	-	92.579.088.640	-
- Samsung Engineering Co., Ltd	43.829.004.526	-	61.585.807.975	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	359.773.175.454	(76.441.554.674)	319.065.984.121	(77.547.034.301)
	<b>744.954.949.656</b>	<b>(76.441.554.674)</b>	<b>681.032.694.869</b>	<b>(77.547.034.301)</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>119.741.873</b>	<b>-</b>
- Công ty Liên doanh Amecc- Myanmar Shipyard	-	-	119.741.873	-
<b>Bên khác</b>	<b>91.399.756.234</b>	<b>-</b>	<b>75.577.575.657</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư Phát triển Bạch Đằng 12	11.874.260.299	-	11.874.260.299	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật Công nghệ xanh	10.056.807.404	-	10.687.551.124	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Phát triển Hoàng Mai	4.819.145.707	-	6.518.731.719	-
- Các đối tượng khác	64.649.542.824	-	46.497.032.515	-
	<b>91.399.756.234</b>	<b>-</b>	<b>75.697.317.530</b>	<b>-</b>



**7. PHẢI THU THEO TIỀN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Liên danh MC - HDEC - CC1	-	-	85.934.517.727	-
- Terra Nova Technologies, Inc	-	-	54.223.659.227	-
- Samsung E&A Co., LTD.	148.895.550.000	-	-	-
	<b>148.895.550.000</b>	<b>-</b>	<b>140.158.176.954</b>	<b>-</b>



## 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty Cổ phần Trung Tâm Module Toàn Cầu (*)	15.998.360.072	-	-	15.998.360.072	-	-
	15.998.360.072	-	-	15.998.360.072	-	-
	<u>15.998.360.072</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.998.360.072</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(\*) Khoản phải thu về cho vay của Công ty Cổ phần Trung Tâm Module Toàn Cầu (GMC) theo Hợp đồng số 1603/2023/HĐVT/AMECC-GMC ngày 16/03/2023, không có tài sản bảo đảm, lãi suất 0%, khoản cho vay nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của GMC.



## 9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Phải thu về thuế GTGT liên quan đến hoạt động thuê tài chính	14.846.125.264	-	15.479.341.275	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	433.740.080	-	245.371.000	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	359.871.642	-	-	-
- Tạm ứng	11.343.961.513	-	32.940.395.869	-
- Vật tư gửi gia công	14.022.750.641	-	58.278.286	-
- Ký cược, ký quỹ	14.155.036.768	-	18.745.470.527	-
- Phải thu khác	2.487.370.359	-	3.346.027.989	-
	<b>57.648.856.267</b>	<b>-</b>	<b>70.814.884.946</b>	<b>-</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>	<b>14.022.750.641</b>	<b>-</b>	<b>58.278.286</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần AMECC GT	14.022.750.641	-	58.278.286	-
<b>Bên khác</b>	<b>43.626.105.626</b>	<b>-</b>	<b>70.756.606.660</b>	<b>-</b>
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	8.067.408.427	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng	9.353.195.038	-	5.488.476.063	-
- Ông Nguyễn Văn Quỳnh	-	-	17.988.611.903	-
- Các đối tượng khác	34.272.910.588	-	39.212.110.267	-
	<b>57.648.856.267</b>	<b>-</b>	<b>70.814.884.946</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Ký cược, ký quỹ	25.068.924.036	-	22.883.917.137	-
	<b>25.068.924.036</b>	<b>-</b>	<b>22.883.917.137</b>	<b>-</b>
<b>b.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên khác</b>				
- Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	17.437.383.000	-	18.047.382.500	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.943.593.280	-	2.045.706.500	-
- Các đối tượng khác	2.687.947.756	-	2.790.828.137	-
	<b>25.068.924.036</b>	<b>-</b>	<b>22.883.917.137</b>	<b>-</b>



## 10. NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<b>Phải thu khách hàng</b>				
+ Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	8.421.218.254	-	8.421.218.254	-
+ Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn	6.981.936.919	-	6.981.936.919	-
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng hải miền Bắc	3.680.708.879	3.680.708.879	5.880.708.879	-
+ Công ty TNHH HAMON Việt Nam	11.267.777.447	-	11.267.777.447	-
+ Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - Công ty Cổ phần	4.911.802.500	-	4.911.802.500	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nam	-	-	11.470.778.149	-
+ Khin Maung Nyunt Steel Products & Galvanizing Co.,Ltd	6.133.376.500	-	6.113.944.020	2.032.273.049
+ Công ty Cổ phần 389 Group Chi nhánh Hà Nội	18.414.511.908	-	18.414.511.908	18.414.511.908
+ MCI CO.,LTD	8.251.524.637	-	8.049.035.420	4.703.976.341
+ Các đối tượng khác	13.221.884.934	1.162.478.425	22.510.123.248	1.324.041.145
	<b>81.284.741.978</b>	<b>4.843.187.304</b>	<b>104.021.836.744</b>	<b>26.474.802.443</b>

## 11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	440.636.140.426	-	363.438.676.505	-
- Công cụ, dụng cụ	3.280.750.778	-	2.961.095.074	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	686.171.597.418	-	626.999.059.740	-
Dự án BHI012	-	-	320.654.693.505	-
Dự án QTRACH002	-	-	43.891.477.983	-
Dự án MSDA002	43.668.975.104	-	43.668.975.104	-
Dự án VAECO01	37.559.888.894	-	35.958.268.209	-
Dự án HYD016	-	-	29.837.257.706	-
Dự án BHI019	109.484.823.725	-	-	-
Dự án BHI020	103.988.358.037	-	-	-
Dự án SAMSUNG16	66.597.575.267	-	-	-
Dự án KT005	51.252.947.099	-	-	-
Dự án PCPG001	34.583.743.807	-	-	-
Dự án khác	239.035.285.485	-	152.988.387.233	-
	<b>1.130.088.488.622</b>	<b>-</b>	<b>993.398.831.319</b>	<b>-</b>



## 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng khu 2 (*)	18.001.035.144	165.431.862.244
Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị đồng bộ năm 2025 - S200 (**)	45.214.585.671	616.330.000
Dự án đầu tư nâng cấp GMC (***)	20.090.891.735	-
Các công trình khác	1.079.350.000	2.793.374.242
	<b>84.385.862.550</b>	<b>168.841.566.486</b>

(\*) Tên Dự án: Đầu tư Xây dựng nhà xưởng khu 2

- Địa điểm xây dựng: xã An Quang, Hải Phòng;

- Mục đích xây dựng: Xây dựng thêm nhà xưởng, nâng cấp toà nhà văn phòng, hệ thống đường nội bộ, cấp thoát nước, điện, mua máy móc thiết bị...;

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay;

- Tổng mức đầu tư: 225 tỷ VND;

- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: từ tháng 01/2022, dự kiến hoàn thành trong quý I/2026;

- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025: đã hoàn thành và tăng tài sản các hạng mục nhà A5, A6, A7; các hạng mục còn lại đang tiếp tục thực hiện.

(\*\*) Tên Dự án: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị đồng bộ năm 2025 - S200

- Địa điểm xây dựng: xã An Quang, Hải Phòng;

- Mục đích xây dựng: Chuẩn bị cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất sản lượng ngày càng lớn và sự phát triển của Công ty;

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có;

- Thời gian bắt đầu triển khai: triển khai tại thời điểm 14/01/2025;

- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025: Vẫn đang tiếp tục thực hiện nhiều hạng mục trên mặt bằng Công ty.

(\*\*\*) Tên Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp GMC

- Địa điểm xây dựng: Lô đất KB2-01, Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng;

- Mục đích xây dựng: Chuẩn bị cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty tại GMC;

- Tổng mức đầu tư: 56 tỷ VND;

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có;

- Thời gian dự kiến hoàn thành: quý II/2026;

- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025: Dự án đang được tiếp tục thực hiện.



13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	229.553.659.998	164.544.084.926	37.538.931.540	21.614.909.736	55.068.052.131	508.319.638.331
- Mua trong năm	1.166.876.184	17.954.056.210	10.365.009.840	139.101.011	-	29.625.043.245
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	163.189.753.146	-	-	-	-	163.189.753.146
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	14.883.804	14.883.804
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	6.044.277.114	-	-	-	6.044.277.114
- Thanh lý, nhượng bán	-	(16.966.893.909)	(1.195.267.545)	-	-	(18.162.161.454)
- Phân loại lại	(4.499.999)	288.000.000	-	(283.500.001)	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>393.905.789.329</b>	<b>171.863.524.341</b>	<b>46.708.673.835</b>	<b>21.470.510.746</b>	<b>55.082.935.935</b>	<b>689.031.434.186</b>

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	90.951.822.643	128.790.967.454	28.456.059.408	12.450.456.296	7.888.446.769	268.537.752.570
- Khấu hao trong năm	13.869.001.295	9.197.310.344	2.283.182.505	4.725.104.975	6.052.220.408	36.126.819.527
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	2.393.232	2.393.232
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	3.280.482.215	-	-	-	3.280.482.215
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.931.996.876)	(1.052.874.018)	-	-	(2.984.870.894)
- Phân loại lại khác	8.548.448.152	753.333.553	17.266.525	(9.319.048.230)	-	-
- Phân loại lại từ khấu hao tài sản thuế tài chính	-	(767.025.293)	-	-	-	(767.025.293)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>113.369.272.090</b>	<b>139.323.071.397</b>	<b>29.703.634.420</b>	<b>7.856.513.041</b>	<b>13.943.060.409</b>	<b>304.195.551.357</b>

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	138.601.837.355	35.753.117.472	9.082.872.132	9.164.453.440	47.179.605.362	239.781.885.761
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>280.536.517.239</b>	<b>32.540.452.944</b>	<b>17.005.039.415</b>	<b>13.613.997.705</b>	<b>41.139.875.526</b>	<b>384.835.882.829</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

74.724.932.351 VND  
122.535.315.444 VND



#### 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	434.584.346.350	3.659.723.400	438.244.069.750
- Thuê tài chính trong năm	68.961.200.790	2.013.333.333	70.974.534.123
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(6.044.277.114)	-	(6.044.277.114)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>497.501.270.026</b>	<b>5.673.056.733</b>	<b>503.174.326.759</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	91.535.080.361	1.205.578.132	92.740.658.493
- Khấu hao trong năm	37.078.555.616	1.308.496.401	38.387.052.017
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3.280.482.215)	-	(3.280.482.215)
- Phân loại lại	767.025.293	-	767.025.293
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>126.100.179.055</b>	<b>2.514.074.533</b>	<b>128.614.253.588</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	343.049.265.989	2.454.145.268	345.503.411.257
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>371.401.090.971</b>	<b>3.158.982.200</b>	<b>374.560.073.171</b>

#### 15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	44.042.972.877	5.467.920.320	49.510.893.197
- Mua trong năm	-	2.150.022.222	2.150.022.222
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>44.042.972.877</b>	<b>7.617.942.542</b>	<b>51.660.915.419</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	14.914.168.980	2.272.011.581	17.186.180.561
- Khấu hao trong năm	960.652.584	687.518.353	1.648.170.937
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.874.821.564</b>	<b>2.959.529.934</b>	<b>18.834.351.498</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	29.128.803.897	3.195.908.739	32.324.712.636
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>28.168.151.313</b>	<b>4.658.412.608</b>	<b>32.826.563.921</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 421.800.000 VND

(\*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm 2 thửa đất với diện tích lần lượt là 89.083,9 m<sup>2</sup> và 55.126,83 m<sup>2</sup> tại xã An Quang, thành phố Hải Phòng, đang được sử dụng để xây dựng Nhà máy sản xuất thiết bị đồng bộ Lisemco 2.



**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	393.110.231	306.938.459
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	8.610.770.445	14.948.796.319
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	647.382.100	-
	<b>9.651.262.776</b>	<b>15.255.734.778</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.217.113.357	2.872.263.492
- Chi phí thu xếp, bảo lãnh vay vốn	12.629.282.782	-
	<b>15.846.396.139</b>	<b>2.872.263.492</b>



17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn	1.143.655.177.588	1.143.655.177.588	2.436.075.519.668	2.488.787.495.880	1.090.943.201.376	1.090.943.201.376
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	12.494.437.467	12.494.437.467	34.447.620.000	12.494.437.467	34.447.620.000	34.447.620.000
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả	38.876.491.413	38.876.491.413	77.966.826.000	38.876.491.413	77.966.826.000	77.966.826.000
	<b>1.195.026.106.468</b>	<b>1.195.026.106.468</b>	<b>2.548.489.965.668</b>	<b>2.540.158.424.760</b>	<b>1.203.357.647.376</b>	<b>1.203.357.647.376</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn	51.647.137.174	51.647.137.174	369.821.521.610	86.526.029.860	334.942.628.924	334.942.628.924
- Nợ thuế tài chính dài hạn	199.528.133.631	199.528.133.631	59.580.667.961	75.637.942.625	183.470.858.967	183.470.858.967
	<b>251.175.270.805</b>	<b>251.175.270.805</b>	<b>429.402.189.571</b>	<b>162.163.972.485</b>	<b>518.413.487.891</b>	<b>518.413.487.891</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(51.370.928.880)	(51.370.928.880)	112.414.446.000	51.370.928.880	(112.414.446.000)	(112.414.446.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	199.804.341.925	199.804.341.925			405.999.041.891	405.999.041.891



Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

Hợp đồng/Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025	01/01/2025
					VND	VND
<b>Bên khác</b>						
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	Hợp đồng số 10859/23MB/H ĐTD (VND)	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, các tài sản hình thành trong tương lai, quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty, hàng tồn kho	4.466.031.273	285.660.182.691
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng (1)	Hợp đồng số 146/23/TD/BB/075 (VND và USD)	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Phương tiện vận tải, giấy tờ có giá, cổ phiếu AMS của một số cổ đông lớn, quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty	21.430.000.000	151.517.310.205
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (2)	Hợp đồng số 30/2024-HĐCVHM/NHC T162-CK (VND và USD)	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Bất động sản và cổ phiếu của một số cổ đông lớn, quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty, hợp đồng tiền gửi	585.846.680.152	314.099.240.303
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng (3)	Hợp đồng số 206023.24.253.1 614561.TD (VND và USD)	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty, hàng tồn kho	165.544.911.118	147.364.520.884



**Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC**

Km 35 quốc lộ 10, xã An Quang, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Hợp đồng/Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025	01/01/2025
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng (4)	Thả nổi	Từ 07/01/2026 đến 23/11/2026	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Quyền sử dụng đất, hợp đồng tiền gửi và quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty, hợp đồng tiền gửi	VND 139.294.379.294	VND 113.637.852.586
Hợp đồng số 14583890/2024/HDTL (VND và USD)						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Thả nổi	Từ 15/01/2026 đến 05/05/2026	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng, bất động sản của một số cổ đông lớn	19.974.632.755	29.077.418.070
Hợp đồng số 65/2024/HDTD/VTY (VND)						
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	Thả nổi	Từ 29/01/2026 đến 30/09/2026	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Hàng tồn kho, cổ phiếu AMS của một số cổ đông lớn và quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty	46.163.515.383	94.523.713.078
Hợp đồng số HPG202311243 27/HDTD (VND)						
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	Thả nổi	Từ 19/01/2026 đến 18/07/2026	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng	100.000.000.000	-
Hợp đồng số VN124017283-003/WBVDN304 (VND)						
Các cá nhân khác	Thả nổi	12 tháng	Bổ sung vốn	Tín chấp	8.223.051.401	7.774.939.771
Theo các hợp đồng nhận nợ (VND)						
					1.090.943.201.376	1.143.655.177.588



**Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC**

Km 35 quốc lộ 10, xã An Quang, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Số dư các khoản vay ngắn hạn bằng ngoại tệ cụ thể như sau:

	31/12/2025		31/12/2025		01/01/2025	
	USD	quy đổi sang VND	USD	quy đổi sang VND	USD	quy đổi sang VND
(1) Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	-	3.735.317,25	95.441.084.667
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Hải Phòng	1.668.448,01	44.008.653.160	1.668.448,01	44.008.653.160	4.575.325,76	116.904.148.494
(3) Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Hải Phòng	318.930,00	8.347.992.750	318.930,00	8.347.992.750	-	-
(3) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	43.150,27	1.138.174.672	43.150,27	1.138.174.672	2.171.557,96	55.485.477.436

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

	Hợp đồng/Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025	01/01/2025
<b>Bên khác</b>						VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	Hợp đồng số 55/21/TD/XI (VND)	12,00%	26/08/2026	Năng cao năng lực sản xuất kinh doanh	03 xe ô tô	334.942.628.924	51.647.137.174
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	Hợp đồng số 1016.01/22MB/HĐTĐ (VND)	9,80%	20/01/2030	Năng cao năng lực sản xuất kinh doanh	Tài sản hình thành đầu tư Nhà máy thiết bị đồng bộ 5,5 HA	-	46.291.361.610
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Theo từng khế ước nhận nợ (VND)	9,80%	05/07/2028	Năng cao năng lực sản xuất kinh doanh	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái nhà 998 kW	2.592.428.924	3.805.028.924
Bà Trần Thị Oanh	Hợp đồng số 24.01.2024/HĐ-CN (VND)	10,00%	25/01/2026	Bổ sung vốn	Tín chấp	-	800.000.000
Union Bank of Taiwan	(USD)	Theo từng thời kỳ	19/11/2030	Bổ sung vốn	Tín chấp	332.350.200.000	-

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

<b>334.942.628.924</b>	<b>51.647.137.174</b>
<b>(34.447.620.000)</b>	<b>(12.494.437.467)</b>
<b>300.495.008.924</b>	<b>39.152.699.707</b>



Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC  
Km 35 quốc lộ 10, xã An Quang, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Số dư các khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ cụ thể như sau:

	31/12/2025	31/12/2025	01/01/2025	01/01/2025
	USD	quy đổi sang VND	USD	quy đổi sang VND
Union Bank of Taiwan	12.600.000,00	332.350.200.000	-	-

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

	Hợp đồng/Loại tiền	Loại tài sản	Thời hạn thuê	Lãi suất	Số dư tại 31/12/2025		Số dư tại 01/01/2025	
					VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>								
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Theo từng hợp đồng nhận nợ (VND)	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	60 tháng	Thả nổi	183.470.858.967	199.528.133.631	53.728.105.488	63.163.533.497
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	Theo từng hợp đồng nhận nợ (VND)	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	36 tháng	5,97% - 6,40%	44.076.385.829	68.069.837.654		
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Theo từng hợp đồng nhận nợ (VND)	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	36 - 60 tháng	Thả nổi	85.666.367.650	68.294.762.480		
					<u>183.470.858.967</u>	<u>199.528.133.631</u>		
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(77.966.826.000)	(38.876.491.413)		
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					<u>105.504.032.967</u>	<u>160.651.642.218</u>		



**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	trả nợ	VND	nợ
<b>a) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<i>Bên liên quan</i>	<b>33.464.055.376</b>	<b>33.464.055.376</b>	<b>67.465.435.887</b>	<b>67.465.435.887</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	-	-	904.912.810	904.912.810
- Công ty Cổ phần AMECC GT	33.464.055.376	33.464.055.376	66.560.523.077	66.560.523.077
<i>Bên khác</i>	<b>269.972.131.733</b>	<b>269.972.131.733</b>	<b>338.733.191.731</b>	<b>338.733.191.731</b>
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PVSHIPYARD) (*)	50.541.569.579	50.541.569.579	48.601.951.542	48.601.951.542
- Công ty TNHH Marubeni Itochu steel Việt Nam	-	-	64.145.945.981	64.145.945.981
- Công ty TNHH Itochu Việt Nam	-	-	25.699.353.904	25.699.353.904
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	35.512.638.047	35.512.638.047	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	183.917.924.107	183.917.924.107	200.285.940.304	200.285.940.304
	<b>303.436.187.109</b>	<b>303.436.187.109</b>	<b>406.198.627.618</b>	<b>406.198.627.618</b>

(\*) Trong đó số dư theo phải trả theo phán quyết số 1658/VIVC của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ngày 19/10/2022 là 15.015.885.044 VND (bao gồm nợ gốc, lãi chậm trả và phí trọng tài) - chi tiết xem tại Thuyết minh số 39.

**b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PVSHIPYARD)	50.541.569.579	50.541.569.579	48.601.951.542	48.601.951.542
	<b>50.541.569.579</b>	<b>50.541.569.579</b>	<b>48.601.951.542</b>	<b>48.601.951.542</b>

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<b>13.843.501.673</b>	<b>13.843.501.673</b>
- Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard	13.843.501.673	13.843.501.673
<i>Bên khác</i>	<b>873.677.137.221</b>	<b>407.178.450.359</b>
- Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Máy Bay	75.065.907.540	75.065.907.540
- BHI Co., Ltd	426.623.489.653	242.594.364.035
- Terra Nova Technologies, Inc	-	49.848.364.465
- Samsung Engineering Co., Ltd	120.893.031.923	-
- Vogt Power International (VPI)	98.338.360.543	5.755.520.231
- Người mua trả tiền trước khác	152.756.347.562	33.914.294.088
	<b>887.520.638.894</b>	<b>421.021.952.032</b>



## 20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	19.524.092.821	21.943.320.021	30.106.903.577	-	11.360.509.265
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	2.644.416.855	2.632.012.815	-	12.404.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.850.423.168	22.679.894.717	15.233.995.499	-	32.296.322.386
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.510.261.447	123.098.396	2.192.931.978	-	440.427.865
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	2.039.061.899	2.228.114.398	4.267.176.297	-	-
Thuế môn bài	-	-	13.000.000	13.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	927.443	-	2.306.582.237	793.353.106	-	1.512.301.688
	<b>927.443</b>	<b>48.923.839.335</b>	<b>51.938.426.624</b>	<b>55.239.373.272</b>	<b>-</b>	<b>45.621.965.244</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## 21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trích trước chi phí thi công các công trình	79.085.302.517	37.637.370.640
	<b>79.085.302.517</b>	<b>37.637.370.640</b>

## 22. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND

### a) Ngắn hạn

#### a.1) Chi tiết theo nội dung

- Kinh phí công đoàn	473.418.953	641.479.064
- Bảo hiểm xã hội	11.284.944.613	11.822.722.449
- Bảo hiểm y tế	-	55.698.712
- Bảo hiểm thất nghiệp	304.455	26.113.740
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.250.852.576	2.250.852.576
- Phải trả về UPAS LC	-	2.099.758.942
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.951.805.330	15.798.133.491
	<b>19.961.325.927</b>	<b>32.694.758.974</b>

#### a.2) Chi tiết theo đối tượng

##### Bên khác

- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	1.732.086.639
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	-	367.672.303
- Cơ quan BHXH Hải Phòng	11.285.249.068	11.902.062.136
- Các đối tượng khác	8.676.076.859	18.692.937.896
	<b>19.961.325.927</b>	<b>32.694.758.974</b>

### b) Dài hạn

##### Bên liên quan

- Tạm ứng thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư từ ông Nguyễn Văn Nghĩa (*)	74.803.412.954	96.803.412.954
- Lãi vay phải trả ông Nguyễn Văn Nghĩa	4.055.555.551	4.055.555.551
	<b>78.858.968.505</b>	<b>100.858.968.505</b>

### c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

- Cơ quan BHXH Hải Phòng	10.628.940.891	10.997.995.985
	<b>10.628.940.891</b>	<b>10.997.995.985</b>



(\*) Khoản tạm ứng của ông Nguyễn Văn Nghĩa cho Công ty để thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0121/HĐCN-AMECC ngày 15/05/2021. Theo nội dung hợp đồng AMECC đồng ý chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nghĩa:

(1) 68.099 cổ phần tương ứng giá trị 6.809.900 USD tương đương 155.423.944.405 VND, chiếm 6,8% tổng số cổ phần Công ty liên doanh Myanmar Shipyards - AMECC.

(2) Chi phí sản xuất dở dang thuộc dự án "Xây dựng và cung cấp thiết bị - Dự án nhà máy kết cấu thép (MSDA-002) Myanmar" tương ứng với giá trị 43.668.975.104 VND.

Tổng giá trị chuyển nhượng là 199.092.919.509 VND.

Ông Nguyễn Văn Nghĩa đồng ý góp giá trị chuyển nhượng trên với AMECC để đầu tư vốn vào Công ty liên doanh Myanmar Shipyards - AMECC.

Hiện tại do tình hình nội chiến tại Myanmar nên hợp đồng này chưa được thực hiện.



### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>(3.255.000.000)</b>	<b>460.911.386</b>	<b>54.297.552.322</b>	<b>135.589.000.711</b>	<b>787.092.464.419</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	55.040.842.180	55.040.842.180
Tăng khác do chuyển đổi báo cáo từ USD sang VND	-	-	1.309.417.390	-	-	1.309.417.390
Truy thu theo quyết định của cơ quan thuế	-	-	-	-	(16.100.155.485)	(16.100.155.485)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	100.313.804.362	(100.313.804.362)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>(3.255.000.000)</b>	<b>1.770.328.776</b>	<b>154.611.356.684</b>	<b>56.215.883.044</b>	<b>809.342.568.504</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>(3.255.000.000)</b>	<b>1.770.328.776</b>	<b>154.611.356.684</b>	<b>56.215.883.044</b>	<b>809.342.568.504</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	54.898.739.749	54.898.739.749
Truy thu theo Quyết định của cơ quan thuế (thuế TNDN)	-	-	-	-	(4.021.187.806)	(4.021.187.806)
Truy thu theo Quyết định của cơ quan thuế (thuế TNCN)	-	-	-	-	(185.672.084)	(185.672.084)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	37.230.381.334	(37.230.381.334)	-
Tăng khác	-	-	376.314.737	-	1.834.116.271	1.834.116.271
Tăng khác do chuyển đổi báo cáo từ USD sang VND	-	-	-	-	-	376.314.737
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>(3.255.000.000)</b>	<b>2.146.643.513</b>	<b>191.841.738.018</b>	<b>71.511.497.840</b>	<b>862.244.879.371</b>

(\*) Việc phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 02/06/2025.



**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND		VND	
Ông Nguyễn Văn Thọ	114.546.140.000	19,09%	114.546.140.000	19,09%
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	103.920.000.000	17,32%	103.920.000.000	17,32%
Sankyu .Inc	210.300.000.000	35,05%	210.300.000.000	35,05%
Các cổ đông khác	171.233.860.000	28,54%	171.233.860.000	28,54%
	<b>600.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	600.000.000.000	600.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	<b>600.000.000.000</b>	<b>600.000.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.250.852.576	2.250.852.576
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	18.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	18.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	(18.000.000.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	(18.000.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>2.250.852.576</b>	<b>2.250.852.576</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	60.000.000	60.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	60.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.000.000	60.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ Công ty**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	191.841.738.018	154.611.356.684
	<b>191.841.738.018</b>	<b>154.611.356.684</b>



## 24. CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.770.328.776	460.911.386
Số tăng trong năm	376.314.737	1.309.417.390
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	376.314.737	1.309.417.390
Số dư cuối năm	<b>2.146.643.513</b>	<b>1.770.328.776</b>

## 25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

### a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê đất tại xã An Quang, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích xây dựng nhà máy thiết bị đồng bộ Lisemco từ năm 2009 đến năm 2058. Diện tích khu đất thuê là 144.210,73 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng thuê, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
- USD	12.643.712,05	2.082.650,60
- EUR	58,82	58,85
- Đồng Kyats	135.085,00	135.085,00

### c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Marubeni-Itochu Steel Pte Ltd	1.065.205.869	-
- Saudi Arabian Oil Company	1.341.380.957	-
- Các khoản khác	4.918.675.857	-
	<b>7.325.262.683</b>	<b>-</b>

## 26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	1.676.194.521.122	1.415.470.872.451
Doanh thu chế tạo, lắp đặt khác	1.839.015.306.575	2.016.514.008.737
	<b>3.515.209.827.697</b>	<b>3.431.984.881.188</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)

<b>156.253.156.517</b>	<b>285.231.080.009</b>
------------------------	------------------------

## 27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	1.637.209.336.119	1.397.718.256.230
Giá vốn chế tạo, lắp đặt khác	1.590.833.483.507	1.722.295.220.282
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(5.171.429.853)
	<b>3.228.042.819.626</b>	<b>3.114.842.046.659</b>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)

<b>345.848.575.221</b>	<b>387.454.260.575</b>
------------------------	------------------------



## 28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.607.356.760	6.638.905.072
Lãi trái phiếu	23.920.000	239.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.302.922.145	15.750.821.636
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.060.153.905	-
	<b>23.994.352.810</b>	<b>22.629.476.708</b>

## 29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	88.739.619.394	106.087.685.037
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.912.150.734	11.911.329.185
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	576.056.120
	<b>94.651.770.128</b>	<b>118.575.070.342</b>
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính mua từ các bên liên quan	-	35.160.343
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)		

## 30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ	20.908.163.557	36.314.806.387
Chi phí lưu kho, bãi	415.330.300	1.055.204.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.989.219.261	6.182.729.062
	<b>23.312.713.118</b>	<b>43.552.740.309</b>

## 31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.078.790.175	3.581.880.962
Chi phí nhân công	52.137.074.012	48.710.368.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.143.801.764	3.337.226.073
Chi phí /(Hoàn nhập) dự phòng	(1.105.479.627)	10.475.164.953
Thuế, phí, lệ phí	2.348.054.166	4.574.340.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.617.977.331	9.471.575.287
Chi phí khác bằng tiền	4.525.038.154	3.956.073.697
	<b>78.745.255.975</b>	<b>84.106.630.428</b>



### 32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	394.611.508	3.327.232.119
Tiền thưởng/đền bù thu được của các dự án	-	177.639.766
Xử lý công nợ	5.442.056.947	1.942.577.947
Vật tư thừa sau kiểm kê các năm trước không rõ nguyên nhân	5.149.183.200	-
Thu nhập khác	1.899.751.309	1.874.155.933
	<b>12.885.602.964</b>	<b>7.321.605.765</b>
Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	<b>-</b>	<b>5.100.000.000</b>

### 33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi chậm nộp tiền thuế, bảo hiểm	2.511.373.414	2.214.288.445
Chi phí khấu hao không phục vụ sản xuất kinh doanh	123.708.261	3.045.373.969
Xử lý công nợ	12.556.670.219	243.209.416
Lãi chậm trả theo phán quyết của trọng tài với Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PVSHIPYARD)	1.939.618.037	2.912.130.538
Xử lý tài sản thiếu kiểm kê không rõ nguyên nhân	-	156.681.722
Phạt hợp đồng	24.706.547.288	24.573.671.245
Thuế GTGT không được khấu trừ	534.918.368	3.188.809.336
Chi phí khác	870.592.794	157.110.337
	<b>43.243.428.381</b>	<b>36.491.275.008</b>

### 34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	18.658.706.911	18.204.229.003
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>18.658.706.911</b>	<b>18.204.229.003</b>

### 35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

#### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.073.115.415	23.394.509.155
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<b>11.073.115.415</b>	<b>23.394.509.155</b>



**b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	12.321.393.740	(9.066.409.422)
	<b>12.321.393.740</b>	<b>(9.066.409.422)</b>

**36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	54.898.739.749	55.040.842.180
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	54.898.739.749	55.040.842.180
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.000.000	60.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>915</b>	<b>917</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.093.860.706.886	1.180.290.860.853
Chi phí nhân công	404.213.535.291	567.815.362.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.038.334.220	67.430.338.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	159.360.697.239	227.216.185.867
Chi phí khác bằng tiền	18.590.716.642	30.904.703.429
	<b>1.752.063.990.278</b>	<b>2.073.657.452.000</b>

**38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.



Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	391.101.672.583	-	-	391.101.672.583
Phải thu khách hàng, phải thu khác	726.162.251.249	25.068.924.036	-	751.231.175.285
Các khoản cho vay	137.639.196.096	-	-	137.639.196.096
	<b>1.254.903.119.928</b>	<b>25.068.924.036</b>	<b>-</b>	<b>1.279.972.043.964</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.251.562.577	-	-	169.251.562.577
Phải thu khách hàng, phải thu khác	674.300.545.514	22.883.917.137	-	697.184.462.651
Các khoản cho vay	97.227.357.146	190.000.000	-	97.417.357.146
	<b>940.779.465.237</b>	<b>23.073.917.137</b>	<b>-</b>	<b>963.853.382.374</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Vay và nợ	1.203.357.647.376	405.999.041.891	-	1.609.356.689.267
Phải trả người bán, phải trả khác	323.397.513.036	78.858.968.505	-	402.256.481.541
Chi phí phải trả	79.085.302.517	-	-	79.085.302.517
	<b>1.605.840.462.929</b>	<b>484.858.010.396</b>	<b>-</b>	<b>2.090.698.473.325</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Vay và nợ	1.195.026.106.468	199.804.341.925	-	1.394.830.448.393
Phải trả người bán, phải trả khác	438.893.386.592	100.858.968.505	-	539.752.355.097
Chi phí phải trả	37.637.370.640	-	-	37.637.370.640
	<b>1.671.556.863.700</b>	<b>300.663.310.430</b>	<b>-</b>	<b>1.972.220.174.130</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 39. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/2017/ĐHCĐ-AMECC ngày 02/04/2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch và phương án đầu tư ra nước ngoài tại Myanmar bằng hình thức góp vốn đầu tư vào Công ty Liên doanh Amecc - Myanmar Shipyard với tổng mức đầu tư là 42,073 triệu USD, sau đó tạm được điều chỉnh là 26,31 triệu USD theo văn bản số 50BS/PABS-AMECC ngày 25/03/2019 của Tổng Giám đốc gửi Hội đồng quản trị Công ty. Tại ngày 31/12/2025, số vốn Công ty cam kết góp là 444,12 tỷ VND; số vốn thực góp là 155,42 tỷ VND (xem thêm tại Thuyết minh số 4). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, hoạt động của Liên doanh đang tạm dừng do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sẽ tiếp tục tham gia vào hoạt động của Liên doanh khi tình hình chính trị tại Myanmar ổn định trở lại.

Tại ngày 19/10/2022, Công ty nhận Phán quyết trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam về vụ tranh chấp với Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PVMS) liên quan đến việc chậm thanh toán các nghĩa vụ thuộc hợp đồng thuê mặt bằng và thuê dịch vụ hậu cần phục vụ thi công trên bãi ký kết vào năm 2019 và 2020. Theo phán quyết này, Công ty phải thanh toán các khoản công nợ và lãi chậm trả liên quan cho PVMS với số tiền là 14,57 tỷ VND và phí trọng tài là 444,2 triệu VND. Công ty đã ghi nhận các nghĩa vụ này trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, ngày 08/05/2023, AMECC đã làm đơn khởi kiện PVMS lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu về việc trong quá trình đối trừ công nợ thuê đất hai bên đã xảy ra tranh chấp, AMECC chưa thanh toán công nợ và PVMS đã tự ý chiếm giữ nhà xưởng của AMECC, không cho AMECC di dời từ ngày 16/12/2021. Việc chiếm giữ nhà xưởng này là trái phép và dẫn đến hậu quả Công ty không thể sử dụng nhà xưởng để phục vụ cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh, gây thiệt hại cho Công ty. Theo đó Công ty đang yêu cầu PVMS đền bù các thiệt hại liên quan với số tiền ước tính là 5 tỷ VND. Ngày 12/05/2023, AMECC đã yêu cầu Tòa án thông báo và đề nghị Cơ quan thi hành phán quyết trọng tài tạm hoãn thi hành án. Hiện tại vụ kiện được thụ lý bởi Tòa án Nhân dân Khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh, AMECC đang chờ phán quyết của Tòa án.



#### 40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây dựng, chế tạo, lắp đặt	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.839.015.306.575	1.676.194.521.122	3.515.209.827.697
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>248.181.823.068</b>	<b>38.985.185.003</b>	<b>287.167.008.071</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	194.964.818.613	-	194.964.818.613
Tài sản bộ phận	3.581.494.171.882	329.762.136.676	3.911.256.308.558
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.776.458.990.495</b>	<b>329.762.136.676</b>	<b>3.911.256.308.558</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	2.967.374.955.950	81.636.473.237	3.049.011.429.187
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.967.374.955.950</b>	<b>81.636.473.237</b>	<b>3.049.011.429.187</b>

#### 42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amecc Myanmar	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Amecc GT	Công ty đầu tư khác
Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard	Công ty đầu tư khác
Công ty Cổ phần Vận tải biển quốc tế VISC	Công ty có thành viên HĐQT là người đại diện pháp luật
Công ty TNHH GKM Việt Nam	Công ty có vợ thành viên HĐQT là người đại diện pháp luật
Sankyu .Inc	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, dịch vụ</b>	<b>156.253.156.517</b>	<b>285.231.080.009</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại AMECC	106.620.432.228	197.655.355.303
- Sankyu .INC	-	2.415.637.379
- Công ty Cổ phần Amecc GT	49.632.724.289	85.160.087.327



	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>345.848.575.221</b>	<b>387.454.260.575</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại AMECC	89.896.487.481	203.609.140.989
- Công ty Cổ phần Trung Tâm Module Toàn Cầu	67.108.673.760	10.854.479.020
- Công ty Cổ phần Amecc GT	187.901.877.452	172.990.640.566
- Công ty Cổ phần Vận tải biển quốc tế VISC	778.600.000	-
- Công ty TNHH GKM Việt Nam	162.936.528	-
<b>Thu nhập khác</b>	<b>-</b>	<b>5.100.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại AMECC	-	5.100.000.000
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>-</b>	<b>35.160.343</b>
- Sankyu .INC	-	35.160.343

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
- Ông Nguyễn Đăng Minh	Thành viên HĐQT	49.000.000	-
- Ông Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	84.000.000	49.000.000
- Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 30/05/2024)	-	35.000.000
- Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
- Ông Inoue Yuji	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 30/05/2024)	-	401.570.000
- Ông Kimiyasu Matsuo	Thành viên HĐQT	620.180.000	249.620.000
- Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	972.524.961	1.002.270.845
- Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT ((Miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2025)	657.448.911	861.056.603
- Ông Trương Bá Minh	Phó Tổng Giám đốc ((Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2025)	184.270.171	104.781.240
- Bà Phạm Minh Hiếu	Trưởng BKS	366.577.348	356.107.694
- Bà Đặng Thị Ngọc Minh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)	196.337.539	-
- Ông Vũ Đình Thông	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)	-	304.760.923

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

#### 43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Vũ Thị Phương Hảo**  
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026



**Nguyễn Hữu Phong**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Thọ**  
Tổng Giám đốc